

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Mục lục

I. Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

II. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát về Công ty
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Doanh thu và lợi nhuận qua các năm
4. Quá trình tăng vốn
5. Lĩnh vực và địa bàn hoạt động
6. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
7. Các rủi ro trong hoạt động

III. Định hướng phát triển Công ty

1. Phương hướng và những giá trị
2. Các mục tiêu chủ yếu của công ty
3. Các mục tiêu về phát triển bền vững

IV. Ban Giám đốc điều hành báo cáo và đánh giá hoạt động năm 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Phân tích tình hình tài chính

V. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc điều hành Công ty

VI. Định hướng phát triển 2025

1. Xác định vị thế Công ty
2. Tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu chiến lược 2025
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và các giải pháp

200
NG TY
PH
AN H
IN P
PHU-

VII. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Lương thưởng, thù lao và các lợi ích của HĐQT, BKS và BGĐĐH
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu và cổ phiếu ALT

VIII. Báo cáo tài chính

1. Báo cáo của Ban Điều hành
2. Báo cáo kiểm toán độc lập
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
4. Bảng cân đối kế toán và các báo cáo hợp nhất.



I. THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, Quý đối tác, Quý khách hàng và toàn thể công nhân viên chức Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình.

Bước vào kỳ Đại hội đồng Cổ đông năm 2025 này, CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH đã trải qua một chặng đường dài hơn 40 năm từ khởi sự năm 1984 đến nay. Với phương châm không thay đổi: “ALTA - Người bạn liên kết chân thành”, Công ty đã vượt qua những chặng đường gian nan, thử thách, trưởng thành và phát triển.

Trên hết, thay mặt CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH tôi xin gửi tới Quý cổ đông, Quý đối tác và khách hàng, Quý cơ quan hữu quan, và toàn thể công nhân viên chức Công ty lòng biết ơn chân thành nhất về sự đồng hành, hợp tác, hỗ trợ và chia sẻ những lúc khó khăn trong suốt cuộc hành trình của ALTA vừa qua.

Kính thưa Quý vị,

Trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2025 được dự báo đang dần trở lại quỹ đạo tăng trưởng, xu hướng phục hồi rõ nét hơn nhưng không đồng đều giữa các quốc gia. Tuy nhiên, nền kinh tế toàn cầu vẫn phải đối mặt với nhiều rủi ro thách thức.

Trước diễn tiến phức tạp nhiều khó khăn này, Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình của chúng ta cần khẳng định bản lĩnh, suy nghĩ sáng tạo sẵn sàng đương đầu với những thử thách, đồng thời xây dựng định hướng mục tiêu hoạt động trong giai đoạn này là:

- Quản lý tài chính công ty an toàn, chặt chẽ: nâng cao chất lượng hạch toán và sử dụng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư; chủ động kiểm soát nợ và khả năng thanh khoản thu-chi; đồng thời chống lãng phí và thực hành tiết kiệm; bảo toàn giá trị vốn trước áp lực lạm phát.
- Tiếp tục kiện toàn hệ thống quản trị hiện đại: ổn định cơ cấu tổ chức hoạt động, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị và điều hành đồng thời tích cực thực hiện số hóa trong hoạt động SXKD.
- Quan tâm công tác đào tạo liên tục nhằm nâng cao chất lượng lao động, nâng cao thu nhập của đội ngũ công nhân viên chức và giữ vững ổn định nguồn nhân lực đặc biệt là lớp chuyên viên, kỹ thuật viên lành nghề.
- Tập trung phát triển thị trường trong nước. Thúc đẩy, tạo đột phá cho các động lực tăng trưởng mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế xanh tiếp cận và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tuần hoàn, phát thải các bon thấp, tiết kiệm tài nguyên, phát triển bền vững ...

Kính thưa Quý vị,

Đề cùng với ALTA đi đến con đường thành công, chúng tôi luôn mong mọi sự đồng hành, chung vai góp sức của toàn thể người lao động trong công ty; của toàn thể cổ đông gần bó với chúng tôi bao năm qua; của Quý khách hàng thân thiết đã yêu mến chúng tôi... Đây chính là nguồn động lực góp phần xây dựng một Công ty ALTA vững bước ổn định và tiếp tục phát triển.


Một lần nữa tôi thay mặt HĐQT Công ty ALTA gửi đến tất cả các Quý vị lời cảm ơn chân thành và lời chào trân trọng nhất!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

LA THỂ NHÂN

II. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình
Tên tiếng Anh	ALTA COMPANY
Tên viết tắt	ALTA
LOGO	
Giấy chứng nhận đầu tư số	0613268785
Vốn điều lệ	61.725.230.000 đồng
Vốn đầu tư chủ sở hữu	214.980.669.081 đồng
Địa chỉ trụ sở chính	Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại	084-28-38162885
Số fax	084-28-38162887
Email	alta@alta.com.vn
Website	www.alta.com.vn
Mã cổ phiếu	ALT

2. Quá trình hình thành và phát triển

1989

Tiền thân của Công ty ALTA là Công Ty Văn Hóa Tổng Hợp Tân Bình - một doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập từ năm 1989. Hoạt động theo cơ cấu “Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất” chủ yếu trong lĩnh vực văn hóa tại thị trường nội địa.

1992

Năm 1992 Công ty được đổi tên là Công Ty Văn Hóa và Dịch vụ Tổng Hợp Tân Bình. Hoạt động theo cơ cấu “Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ”.

1998

ALTA là doanh nghiệp đầu tiên của ngành Văn hóa Việt Nam thực hiện cổ phần hóa và được chuyển đổi thành CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH theo Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26/06/1998 của UBND Tp.HCM và Giấy chứng nhận ĐKKD số 064111 do Sở KH & ĐT Tp.HCM cấp ngày 31/08/1998 với vốn điều lệ ban đầu là 13.347.000.000 đồng.

1999

Đầu tư Dự án Sản xuất Bao bì Xuất khẩu, vốn đầu tư 12 tỷ đồng, công suất 2.400 tấn/năm, tăng thêm 120 lao động. Đầu tư Hệ thống Chế bản tách màu điện tử, vốn đầu tư 03 tỷ đồng, công suất 50 triệu cm² phim/ năm, tăng thêm 20 lao động.

2000

Đầu tư Dự án Sản xuất hạt màu chủ, mặt hàng nguyên liệu lần đầu tiên được sản xuất tại Việt nam, xuất khẩu và bán nội địa (thay thế hàng ngoại nhập), với vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, công suất 1.200 tấn/năm, tăng thêm 30 lao động.

2001

Xây dựng Dự án di dời và đầu tư mới Nhà máy ALTA đặt tại KCN Tân Bình, tổng vốn đầu tư 80 tỷ đồng, trong đó xây dựng nhà xưởng và thuê đất 20 tỷ đồng, tăng thêm 200 lao động.

2002

Đầu tư Dự án Sản xuất in trên hệ thống in offset 05 màu, vốn đầu tư 11 tỷ đồng (nằm trong vốn đầu tư Nhà máy ALTA), nâng công suất in tối đa của Công ty từ 06 tỷ trang in lên 09 tỷ trang in/năm, tăng thêm 10 lao động.

2003

Đầu tư Dự án Sản xuất hóa chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite, vốn đầu tư 3.5 tỷ đồng (nằm trong vốn đầu tư Nhà máy ALTA).

2004

Đầu tư Dự án Sản xuất nguyên liệu ngành nhựa (hạt CaCO₃), mặt hàng nguyên liệu lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam, xuất khẩu và bán nội địa (thay thế hàng ngoại nhập), vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, công suất 1.200 tấn/năm, tăng thêm 20 lao động.

11420
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VĂN HÓA
TÂN BÌNH
TP. HCM

2006

Đầu tư dự án Xây dựng Trung tâm Văn hóa Thương mại Lạc Hồng, vốn đầu tư 40 tỷ tại địa điểm 91B Phạm Văn Hai, quận Tân Bình.

“Ngày 22/11/2006, Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là DN đầu tiên thuộc ngành in ấn và bao bì xuất khẩu niêm yết cổ phiếu. Với Vốn điều lệ 13.347 tỷ đồng, ALTA chưa phải là DN mạnh về tài chính trong lĩnh vực nhiều cạnh tranh này, nhưng lại nổi tiếng là DN luôn tiên phong, cả về công nghệ lẫn sản phẩm.” (Trích đăng báo Đầu tư Chứng khoán số 47, ngày 20/11/2006).

2008

Ngày 02 tháng 02 năm 2008, ALTA khánh thành và khai trương Rạp ALTA 4D - MAX SUỐI TIÊN tại Khu Du Lịch Văn hóa Suối Tiên theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Du lịch Văn Hóa Suối Tiên.

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm cổ phần hóa (1998-2008) ALTA khánh thành và khai trương Trung tâm Thương mại & Giải trí ALTA PLAZA ngày 26/7/2008 tại địa điểm 91B2, đường Phạm Văn Hai, phường 3, quận Tân Bình, Tp.HCM với tổng diện tích sử dụng hơn 7.000 m². Trong dịp này, ALTA cũng đưa vào hoạt động Rạp chiếu phim đa chiều cảm giác mạnh 3D TurboRide và Khu Công nghệ Thể thao Điện tử Laser Game – lần đầu tiên có tại Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Cổ đông 2008, tháng 12/2008 ALTA đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:1 để tăng vốn điều lệ từ 39.951.250.000 đồng lên 49.339.050.000 đồng.

2009

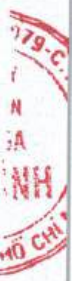
Thành lập Công ty Liên doanh Đan-Việt giữa công ty ALTA và công ty FORMULA sản xuất thẻ thông minh (theo chương trình tài trợ Kết nối doanh nghiệp B2B giữa hai chính phủ Việt Nam và Đan Mạch). Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Cổ đông 2009, tháng 12/2009 ALTA đã hoàn tất việc trả cổ tức đợt 1 năm 2009 bằng việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:9 và tăng vốn điều lệ từ 49.339.050.000 đồng lên 53.562.130.000 đồng.

2010

Khai trương 02 khu vực giải trí Laser Zone tại 02 địa điểm vui chơi giải trí Suối Tiên và Siêu thị Maximark 3T2. Khánh thành tòa nhà văn phòng cho thuê 284-286 Hoàng Văn Thụ. Khai trương Trung tâm Mua sắm Outlet Unique tại tòa nhà Alta Plaza trước đây với mô hình mua sắm hàng hiệu giá rẻ - lần đầu tiên có tại Việt Nam với quy mô lớn.

2014

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014, Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ bằng phương thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Kết thúc đợt phát hành, công ty đã tăng thêm 4.918.520.000 tỷ đồng, tương đương với số vốn điều lệ là 58.480.640.000 đồng.



2015

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ bằng phương thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Kết thúc đợt phát hành, công ty đã tăng thêm 3.244.590.000 đồng, tương đương với số vốn điều lệ là 61.725.230.000 đồng.

2016

Xây dựng Rạp Cinema Turboride và khu trò chơi giải trí Space Ship tại Khu Du lịch Suối Tiên.

2017

Thành lập Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc (tháng 8/2017).

2018

Công ty Cổ phần In thương mại Quảng cáo Âu Lạc khai trương Văn phòng và Nhà máy mới tại địa chỉ Lô IV-7, Đường số 4, Nhóm CN IV, Khu Công Nghiệp Tân Bình.

2020

Công ty lắp ráp hệ thống điện năng lượng mặt trời tại nhà máy ALTA và tiên phong trong việc sử dụng năng lượng sạch để sản xuất các mặt hàng thân thiện môi trường.

2021

Công ty thực hiện “3 tại chỗ” vừa duy trì sản xuất vừa bảo đảm an toàn phòng chống dịch bệnh CoVid-19.

2022

Công ty ALTA MEDIA đưa vào hoạt động Hệ thống nhạc nước điện tử tại Công viên Văn hóa Đầm Sen.

2023-2024

Phát triển DN trở thành DOANH NGHIỆP XANH, Công ty xây dựng Dự án Trạm tái sinh bao bì 3R (Reduce, Reuse, Recycle) nhằm đóng góp giải pháp hữu ích bảo vệ môi trường.



3. Doanh thu và Lợi nhuận qua các năm

ĐVT: đồng

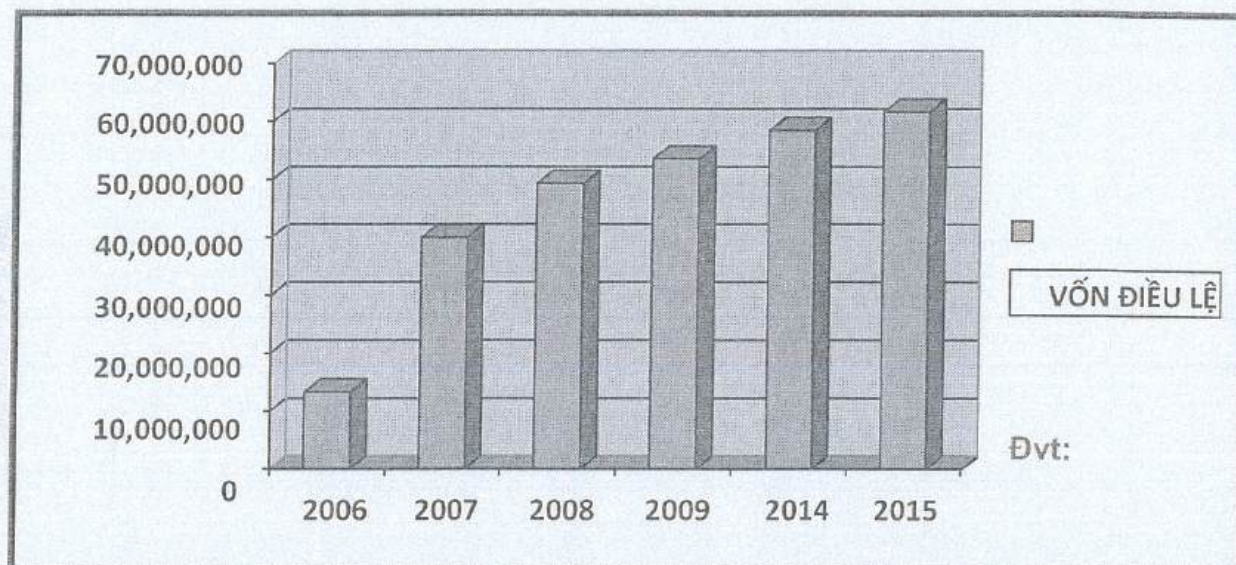
NĂM	DOANH THU	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	VỐN ĐIỀU LỆ	TỔNG TÀI SẢN
2006	154.472.771.368	3.189.192.665	13.347.000.000	138.611.197.023
2007	180.245.292.938	8.694.685.159	39.951.250.000	235.839.942.843
2008	188.125.545.576	10.757.491.608	49.339.050.000	248.135.793.077
2009	154.472.771.368	9.145.944.375	53.562.120.000	264.827.900.639
2010	141.326.100.730	6.625.396.768	53.562.120.000	268.364.377.358
2011	172.203.931.433	6.028.992.749	53.562.120.000	246.465.466.432
2012	136.888.499.871	(6.458.705.600)	53.562.120.000	230.589.058.666
2013	123.413.115.014	2.138.281.455	53.562.120.000	217.675.433.988
2014	132.621.747.720	938.863.426	58.480.640.000	221.777.552.892
2015	135.286.205.191	6.011.381.394	61.725.230.000	235.192.442.147
2016	129.104.983.617	5.795.920.627	61.725.230.000	224.604.123.621
2017	144.589.709.984	7.682.732.707	61.725.230.000	228.319.841.394
2018	156.829.819.565	7.494.992.753	61.725.230.000	251.119.236.363
2019	201.551.986.980	8.401.309.085	61.725.230.000	245.094.652.767
2020	192.518.425.441	4.088.776.544	61.725.230.000	292.495.618.295
2021	222.964.375.950	5.260.993.498	61.725.230.000	276.575.206.242
2022	261.515.919.945	9.432.070.824	61.725.230.000	312.303.334.849
2023	303.730.594.211	7.019.439.906	61.725.230.000	323.651.409.956
2024	414.815.832.540	3.164.682.460	61.725.230.000	358.177.591.771



4. Quá trình tăng vốn

ĐVT: đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ điều chỉnh	Vốn điều lệ lũy kế
2006	//	13.347.000.000
2007	26.604.250.000	39.951.250.000
2008	9.387.800.000	49.339.050.000
2009	4.223.080.000	53.562.120.000
2014	4.918.520.000	58.480.640.000
2015	3.244.590.000	61.725.230.000



5. Lĩnh vực và địa bàn hoạt động

a. Ngành nghề

Ngành in: Thực hiện các công đoạn từ trước in, in ấn và sau in đối với xuất bản phẩm và các loại ấn phẩm gồm: sách, báo, tạp chí, nhãn hàng, bao bì hàng hóa, brochure quảng cáo, tờ bướm, poster, v.v...

Ngành nhựa: Sản xuất xuất khẩu các loại bao bì nhựa PE, các sản phẩm thân thiện môi trường như bao bì nhựa tự phân hủy, túi phân hủy sinh học kết hợp vô cơ và hữu cơ...

Ngành dịch vụ văn hoá và giải trí: Quảng cáo đa phương tiện, các loại dịch vụ giải trí, công nghệ thể thao, âm nhạc điện tử... Các hoạt động khác: sản xuất khăn giấy cao cấp, cho thuê mặt bằng, v.v...

Ngành phát triển phần mềm: Tạo đột phá với Chuyển đổi số nhằm sử dụng công nghệ để tạo ra trải nghiệm khách hàng tốt hơn, cải tiến sản phẩm và dịch vụ cũng như tăng hiệu quả của hoạt động kinh doanh.



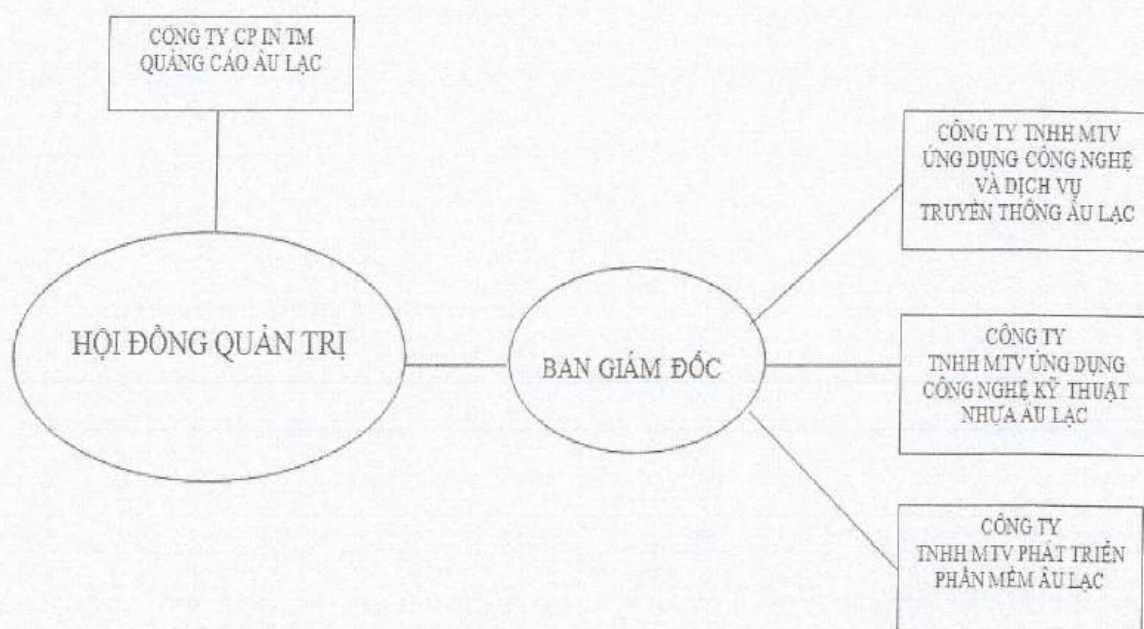
b. Địa bàn

Tp.HCM và các tỉnh thành trong cả nước.

6. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý.

a. Mô hình quản trị

ALTA là công ty cổ phần hoạt động quản trị theo mô hình công ty mẹ – con. Về mặt tổ chức cả công ty mẹ và các công ty con đều theo hình thức quản trị 3 cấp: cấp công ty – cấp bộ phận và cấp chức năng. Riêng với các công ty liên quan và liên kết, Công ty ALTA là cổ đông góp vốn và tham gia trong Hội đồng Quản trị của các công ty này.



	Công ty	Vốn điều lệ	Ngày thành lập
Công ty liên kết	Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)	27/11/2008
Công ty con	Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc (Alta Media)	20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)	08/08/2008
	Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc (Alta Plastic)	20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)	13/08/2013
	Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc (Alta Software)	5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng)	15/08/2017

b. Hội đồng quản trị

Ông La Thế Nhân – Chủ tịch HĐQT	
Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Bác sĩ Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
Tóm tắt quá trình công tác	Hiện là Giám đốc Công ty Cổ phần In - Thương mại - Quảng cáo Âu Lạc đồng thời là Chủ tịch HĐQT của ALTA
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	295.550 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,15% SLCP có quyền biểu quyết
Bà Lại Thị Hồng Diệp – Phó Chủ tịch HĐQT	
Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh
Tóm tắt quá trình công tác	Làm việc tại công ty ALTA từ năm 1989 đến nay với các chức vụ Kế toán trưởng năm 1989, Giám đốc Tài chính từ năm 2001, Giám đốc Điều hành từ năm 2006, Phó Tổng Giám đốc từ năm 2011. Hiện Bà Diệp là Phó Chủ tịch HĐQT.
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	355.863 cổ phần chiếm tỷ lệ 6,20% SLCP có quyền biểu quyết
Ông Hoàng Văn Điều – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	1953
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị
Tóm tắt quá trình công tác	Là người sáng lập Công ty - Đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty từ năm 1989 đến ngày 30/06/2014.
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	582.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 10,15% SLCP có quyền biểu quyết
Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thành viên HĐQT	
Năm sinh	1978
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tài chính
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ ACB
Số cổ phiếu nắm giữ	Cá nhân 1670 cổ phiếu và Đại diện 1.051.244 cổ phiếu của Cy Địa ốc ACB
Ông Hoàng Minh Anh Tú - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành	
Năm sinh	1980
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Công nghệ Thông tin tốt nghiệp tại Canada

4200
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VĂN H
TÂN
PHÚ

Quá trình công tác	Giám đốc Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc từ năm 2008, được bổ nhiệm Tổng giám đốc của ALTA từ 01/07/2014.
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	560.595 cổ phần chiếm tỷ lệ 9,77% SLCP có quyền biểu quyết
Ông Trịnh Xuân Quang	Thành viên HĐQT
Năm sinh	1966
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh, Thạc sĩ chính trị
Tóm tắt quá trình công tác	Thành viên chuyên trách HĐQT Tổng công ty Liksin
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch Công ty LIKSIN Phương Bắc
Số cổ phiếu nắm giữ	Đại diện vốn 760.211 cổ phần của công ty Liksin chiếm tỷ lệ 13,25% SLCP có quyền biểu quyết.
Ông Đoàn Thanh Hải	Thành viên độc lập HĐQT
Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kỹ thuật Điện tử và Viễn thông
Tóm tắt quá trình công tác	Giám đốc Công ty Nier Rượu vang hảo hạng Việt Nam.
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	Không
Ông Nguyễn Anh Thuận	Thành viên độc lập HĐQT
Năm sinh	1960
Trình độ chuyên môn	Chuyên viên ngành In
Tóm tắt quá trình công tác	Phó Giám Đốc Cty TNHH In bao bì CD
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	771 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,013% SLCP có quyền biểu quyết

c. Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn văn Danh - Trưởng Ban Kiểm soát	
Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ QTKD, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật.
Quá trình công tác	Nguyên Chủ tịch – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sài Gòn sân bay SASCO
Số cổ phần sở hữu	Không

Bà Thái Thị Phụng - Thành viên Ban Kiểm soát	
Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác	Bà Phượng đã làm việc tại ALTA từ năm 1993 đến nay, hiện là Giám đốc Tiếp thị của Công ty.
Số cổ phần sở hữu	24.147 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,42% SLCP có quyền biểu quyết.

Bà Quách Thị Mai Trang - Thành viên Ban Kiểm soát	
Năm sinh	1960
Trình độ chuyên môn	Trung cấp Kinh tế - Kế hoạch
Quá trình công tác	Hiện nay là Trưởng ban Kiểm soát Nội bộ của Công ty.
Số cổ phần sở hữu	2.819 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,05% SLCP có quyền biểu quyết.

d. Ban Giám đốc điều hành

Ông Hoàng Minh Anh Tú - Tổng giám đốc

Xem tại phần Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị

7. Các rủi ro trong hoạt động

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

a. Rủi ro biến động giá thị trường

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

b. Rủi ro tỷ giá

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Với địa bàn hoạt động cả trong và ngoài nước cùng với nguồn nguyên liệu chủ yếu là hàng nhập, yếu tố tỷ giá ngoại tệ có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế tác động của rủi ro tỷ giá, Công ty luôn cập nhật tình hình tỷ giá thế giới để đưa ra các biện pháp và chính sách phù hợp, chọn thời điểm mua nguyên vật liệu thích hợp, hạn chế phát sinh chi phí trong sản xuất.

c. Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi.

Sự biến động của lãi suất sẽ tác động đến chi phí tài chính Công ty phải trả cho các khoản phải trả cũng như các lợi nhuận nhận được từ tiền gửi ngân hàng, cho vay hoặc các công cụ tài chính khác. Hiện nay các khoản nợ tín dụng của công ty chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong cơ cấu tài sản, do đó rủi ro này chưa tác động đáng kể đến hoạt động của công ty.

Đối với các khoản đầu tư tài chính của Công ty, xét về phương diện vĩ mô, sự thay đổi của lãi suất sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức mà công ty đầu tư, từ đó ảnh hưởng đến giá trị trường của các khoản đầu tư.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty. Công ty luôn theo sát diễn biến kinh tế vĩ mô, động thái điều hành lãi suất, tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng, từ đó đưa ra các dự báo và có các quyết định kịp thời.

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

d. Rủi ro khác :

Hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần, công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Kế toán, Kiểm toán... Ngoài ra, công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do đó Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan cũng tác động đến Công ty.

Để đáp ứng sự thay đổi của nền kinh tế mở cửa, hội nhập, trong thời gian tới các quy định của Pháp luật sẽ còn nhiều điều chỉnh để đáp ứng kịp thời các quan hệ kinh tế phát sinh. Với rủi ro mang tính hệ thống này, Công ty đã có các biện pháp quản trị như: liên tục cập nhật các văn bản pháp luật, mỗi bộ phận có trách nhiệm nghiên cứu quy định liên quan đến lĩnh vực của mình và báo cáo cho Ban Lãnh đạo về sự thay đổi ngay khi có thông tin; sử dụng dịch vụ tư vấn phù hợp.

Các rủi ro khác do thiên tai, hỏa hoạn... có xác suất xảy ra thấp nhưng có thể gây thiệt hại lớn về cơ sở vật chất và con người, ảnh hưởng đến hoạt động của công ty. Chính vì thế, công ty luôn chú trọng công tác bảo hiểm và bảo vệ tài sản. Bên cạnh đó, công ty đã xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy và diễn tập hàng năm cùng lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp của Cảnh sát PCCC.

Một rủi ro khá đặc biệt mà công ty nhận định là rủi ro do quá trình đổi mới - Để đổi mới, doanh nghiệp phải chấp nhận rủi ro và sẵn sàng đón nhận nếu thất bại trong quá trình thực hiện, vì đó là điều không thể tránh khỏi khi doanh nghiệp đang chuyển hướng mới. Cách tốt nhất để tránh rủi ro là việc nghiên cứu cẩn thận, hoạch định chu đáo và sự đồng lòng của các thành viên được thúc đẩy bởi một quá trình truyền thông bền bỉ.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Phương hướng và những giá trị

a. Phương hướng

- Xây dựng thương hiệu ALTA uy tín.
- Cam kết hợp tác chân thành.
- Tạo lập giá trị tốt nhất cho cổ đông và các thành viên.

b. Những giá trị

- Luôn tôn trọng sự chân thực.
- Sẵn sàng hợp tác và liên kết.
- Tổ chức thống nhất hành động.

2. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Chuỗi hành động hướng tới mục tiêu của ALTA chính là:

- Khuyến khích và đòi hỏi sáng tạo để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, bảo đảm uy tín và chất lượng sản phẩm.
- Luôn luôn quan tâm xây dựng và phát triển thương hiệu ALTA.
- Thành công cùng đối tác: Trong suốt quá trình hoạt động, ALTA luôn quan tâm đến việc xây dựng các mối quan hệ đối tác bền vững dựa trên sự tin cậy và lợi ích hài hòa.
- Lấy hiệu quả làm nền tảng: ALTA luôn lấy hiệu quả làm nền tảng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình để từ đó giúp công ty đạt được lợi thế cạnh tranh và góp phần xây dựng cộng đồng.
- Sẵn sàng thay đổi để sửa chữa, thích nghi và phát triển.

3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

Với mục tiêu phát triển bền vững, công ty luôn ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường, xã hội cũng như cộng đồng là một phần không thể thiếu. Vì vậy, công ty đã đặt ra một số tiêu chí sau trong quá trình hoạt động của mình:

- Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường sống; áp dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất đối với môi trường. Sử dụng tài nguyên và năng lượng

2007
CÔNG TY
MIỄN
HÒA
BÌNH
TP. HCM

tiết kiệm và hợp lý. Quản lý chất thải, khí thải, nước thải đúng quy định để chúng không ảnh hưởng đến môi trường.

- Tạo ra các sản phẩm bảo đảm sức khỏe và an toàn cho người tiêu dùng. Tuyển dụng và sử dụng lao động không chỉ tuân thủ các quy định của Luật Lao động mà công ty còn tạo ra một môi trường lao động tốt hơn đồng thời phát triển các sinh hoạt nâng cao đời sống tinh thần. Không để xảy ra tình trạng bóc lột, lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em.
- Cùng góp phần xây dựng và phát triển cộng đồng địa phương, sẵn sàng san sẻ khó khăn với các hoàn cảnh đặc biệt trong địa bàn hoạt động của mình.
- Tôn trọng và tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động kinh tế và quản trị, bảo đảm minh bạch thông tin, đối xử bình đẳng với cổ đông và các thành viên trong tổ chức. Xây dựng tinh thần cạnh tranh lành mạnh và phòng chống tham nhũng trong hoạt động quản trị.



IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đvt: đồng

STT	CHỈ TIÊU	2023	2024	2024/2023 (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	304.082.597.574	415.008.580.982	136
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	352.003.363	192.748.442	55
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	303.730.594.211	414.815.832.540	137
4	Giá vốn hàng bán	260.601.563.379	365.095.055.850	140
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.129.030.832	49.720.776.690	115
6	Doanh thu hoạt động tài chính	5.609.748.901	4.464.181.214	80
7	Chi phí tài chính	3.474.591.674	4.184.141.295	120
8	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	148.661.173	1.107.768.350	745
9	Chi phí bán hàng	12.370.887.138	17.946.747.218	145
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.025.040.571	27.784.254.281	107
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.016.921.523	5.325.548.258	76
12	Thu nhập khác	2.234.067.392	150.569.026	7
13	Chi phí khác	685.505.597	126.866.377	19
14	Lợi nhuận khác	1.548.561.795	23.702.649	2
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.565.483.318	5.349.250.907	62
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.602.383.313	482.076.931	30
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(56.339.901)	1.676.578.300	
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.019.439.906	3.164.682.460	45
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.224	552	45

Các yếu tố liên quan đến chi phí :

- Doanh thu thuần tăng mạnh 36%, trong năm công ty mở rộng thị phần bán nguyên liệu nhựa ra thị trường.
- Giá vốn hàng bán tăng cao hơn tăng doanh thu (40% so với 36%), làm biên lợi nhuận gộp giảm từ 14% xuống dưới 12%.
- Chi phí bán hàng tăng mạnh 45,1%.
- Lợi nhuận ròng giảm mạnh 54,5%, bởi các yếu tố chi phí :
 - ✓ Theo cập nhật của VnEconomy, đến ngày 31/12/2024, tỷ giá USD/VND đã tăng 4,31% so với đầu năm. Tỷ giá USD tăng ảnh hưởng giá nguyên liệu nhập khẩu tăng theo.
 - ✓ Chi phí điện tăng 5%.
 - ✓ Lãi suất vay bình quân dao động từ 7% đến 9% một năm.
 - ✓ Chi phí lương bình quân tăng 13,6%
 - ✓ Chi phí khấu hao và phân bổ thiết bị cho thuê tăng do đổi mới công nghệ.
 - ✓ Chi phí nghiên cứu và phát triển tăng. Phát sinh chi phí quảng bá sản phẩm mới.

2. Phân tích cơ cấu kinh doanh năm 2024

Đvt: triệu đồng

NGÀNH	2022		2023		2024	
	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp
Bao bì Nhựa	147.107	15.723	158.432	14.972	221.225	26.622
Khăn giấy, thương mại	33.604	12.491	34.525	14.792	134.443	18.921
Doanh thu từ mảng phần mềm	4.991	0,22	14.189	1.966	437	-2.233
Giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác	37.262	10.544	54.370	11.706	58.740	6.208
Cộng	222.964	38.758	261.516	43.436	414.846	49.518
NGÀNH	TỶ TRỌNG 2022		TỶ TRỌNG 2023		TỶ TRỌNG 2024	
	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp
Bao bì Nhựa	65,98%	40,57%	60,58%	34,47%	53,33	53,76
Khăn giấy, thương mại	15,07%	32,23%	13,20%	34,05%	32,41	38,21
Doanh thu từ mảng phần mềm	2,24%	0,00%	5,43%	4,53%	0,10	-4,51

Giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác	16,71%	27,20%	20,79%	26,95%	14,16	12,54
Cộng	100%	100%	100%	100%	100%	100%

Năm 2024 các ngành hoạt động của công ty có tình hình như sau:

- Ngành sản xuất bao bì nhựa doanh thu tăng 44% nhưng do nhượng bán nguyên liệu nhựa (có giá trị cao nhưng tỷ suất lợi nhuận thấp). Mặt khác khách hàng siêu thị ngày càng yêu cầu tăng chiết khấu, do cạnh tranh công ty phải chấp nhận nên chi phí bán hàng tăng, dẫn đến lợi nhuận giảm.
- Ngành truyền thông doanh thu vẫn duy trì nhưng do nhập hệ thống LED mới nên chi phí phân bổ lớn, dẫn đến lỗ mặc dù đã giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý.
- Ngành phần mềm doanh thu giảm, chi phí cố định về nhân sự vẫn phải duy trì nên lợi nhuận âm.
- Các ngành khác như khăn giấy và cho thuê mặt bằng doanh thu và lợi nhuận giảm.

3. Tình hình đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Đvt: đồng

Năm 2023	Giá trị đầu tư đến 31/12/2024
Công ty con	
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	5.000.000.000
Công ty liên kết	
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	22.323.220.078



V. CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

1. Tài sản

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	01/01/2024	31/12/2024	Tăng trưởng
Tổng tài sản	326,741,213,834	358,177,591,771	+10.6%
Tài sản ngắn hạn	184,029,658,367	227,274,462,809	+23.5%
Tiền và tương đương tiền	6,735,071,552	14,026,780,968	+108.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	72,650,000,187	58,287,291,464	-19.8%
Phải thu ngắn hạn	61,780,263,891	99,522,986,806	+61.0%
Hàng tồn kho	40,234,892,062	52,838,780,692	+31.3%
Tài sản dài hạn	142,711,555,467	130,903,128,962	-6.1%

- Tỷ suất đầu tư ngắn hạn năm 2024 tăng từ 56,32% lên 62,29%, tỷ suất đầu tư tài sản dài hạn giảm từ 43,68% xuống 37,71 %. Những thay đổi này là bình thường.
- Tỷ suất tự tài trợ tài sản cố định là 1,63 lần. Đây là chỉ tiêu nói lên khả năng đáp ứng đầu tư tài sản cố định bằng vốn chủ sở hữu... Tỷ suất này >1 chứng tỏ khả năng tài chính vững vàng, lành mạnh.
- Phải thu ngắn hạn tăng 61%, do doanh thu tăng 36,5% chủ yếu từ các khách hàng là hệ thống siêu thị có thời hạn thanh toán trung bình là hơn 60 ngày.
- Hàng tồn kho tăng 31,3%, do doanh thu tăng nên lượng hàng sản xuất tồn để giao hàng vào dịp tết tăng.

2. Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	01/01/2024	31/12/2024	Tăng trưởng
Tổng nợ phải trả	106,196,667,651	143,288,922,038	+34.9%
Nợ ngắn hạn	104,279,414,370	139,912,190,425	+34.2%

Nợ dài hạn	1,917,253,281	3,376,731,613	+76.2%
Vốn chủ sở hữu	217,454,742,305	214.882.715.765	-1.2%

- Tổng nợ phải trả tăng mạnh 34,9%, đặc biệt nợ ngắn hạn tăng cao, tương ứng tỷ lệ tăng doanh thu và công nợ phải thu.
- Vốn chủ sở hữu giảm nhẹ (-1,2%) không đáng kể.
- Nợ ngắn hạn tăng từ 104 tỷ lên 139 tỷ và đòn cân nợ tăng từ 0,48 lên 0,65 do việc dự trữ hàng Tết và dự trữ nguyên vật liệu cho Quý I/2025.

3. Khả năng sinh lời

Chỉ số	2023	2024
ROA (LNST/Tổng tài sản)	2,15%	0,88%
ROE (LNST/Vốn chủ sở hữu)	3,18%	1,46%
Biên lợi nhuận gộp	14,2%	11,98%
Biên lợi nhuận ròng	2,31%	0,77%

- **ROA và ROE** giảm mạnh do trong năm công ty mở rộng thị phần khách hàng, làm tăng chi phí bán hàng.

4. Khả năng thanh toán

Chỉ số	2023	2024
Tỷ lệ thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ NH)	1,76	1,62
Tỷ lệ thanh toán nhanh ((TSNH - HTK)/Nợ NH)	1,38	1,25

- Tỷ lệ thanh toán giảm nhẹ, nhưng vẫn nằm trong ngưỡng an toàn, cần kiểm soát tốt công nợ phải thu để không ảnh hưởng đến khả năng thanh toán.

5. Cấu trúc tài chính

Chỉ số	2023	2024
Tỷ lệ nợ/Tổng tài sản	32,5%	39,7%
Tỷ lệ nợ/Vốn chủ sở hữu	48,1%	65,7%

- Tỷ lệ nợ cao hơn do công ty đang sử dụng đòn bẩy tài chính lớn hơn.
- Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.
- Công ty không sử dụng nợ dài hạn để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư của mình. Chính vì vậy mà các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của công ty đều rất tốt. Đa phần các khoản nợ phải trả phát sinh do quá trình sản xuất kinh doanh thông thường như phải trả người bán, người mua trả tiền trước hay các khoản còn phải trả cho người lao động.

- Qua bảng số liệu trên có thể thấy công ty đang có tình hình tài chính ổn định và lành mạnh, đồng thời cần tập trung đẩy mạnh khâu kinh doanh, quản lý chặt chẽ chi phí, từ đó nâng cao khả năng sinh lời của công ty hơn nữa.

6. Tình hình nhân sự

Tính đến 31/12/2024, Công ty có 377 lao động, giảm gần 7% so với năm trước.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng 2023	Tỷ lệ 2023	Số lượng 2024	Tỷ lệ 2024
I	Theo trình độ	402	100%	377	100%
1	Đại học	109	27,1%	77	20,7%
2	Cao đẳng	96	23,9%	131	35%
3	Trung cấp	18	4,5%	17	4%
4	Phổ thông trung học trở xuống	179	44,5%	152	40,3%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	100%	100%	377	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	163	40,5%	106	28%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	236	58,7%	263	70%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	3	0,8%	8	2%

Chính sách đãi ngộ người lao động của công ty gắn liền kết quả làm việc với lương thưởng. Năm qua công ty tiếp tục sử dụng công cụ KPI để đánh giá công việc. Ban Lãnh đạo và các bộ phận nhân sự, tài chính kế toán đã cùng phối hợp để đảm bảo thanh toán lương cho CBCNV đúng thời hạn. Lương bình quân của công ty năm 2024 là 13.650.000 đ tăng 13,6% so với năm trước do sản lượng, doanh số tăng.

ALTA đảm bảo việc thực hiện các quy định của Bộ Luật Lao động về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thực hiện chế thai sản, nghỉ lễ tết, thời gian nghỉ ngơi... và các văn bản pháp luật liên quan để CBCNV có thể yên tâm làm việc. Ngoài ra công ty còn thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ cho nhân viên, tổ chức tham quan nghỉ mát để tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong tập thể ALTA.

Ban Lãnh đạo công ty đặc biệt quan tâm đến vấn đề an toàn lao động. Toàn bộ

CBCNV của ALTA đều phải tham gia tập huấn phòng chống cháy nổ, thoát hiểm, sơ cấp cứu. Đối với khối sản xuất, công nhân và nhân viên phải mặc trang phục bảo hộ lao động, đảm bảo quy trình làm việc và tuân thủ sự giám sát của các cấp quản lý để giảm thiểu tối đa rủi ro xảy ra trong quá trình lao động. Trong năm 2024 không có trường hợp tai nạn lao động xảy ra tại công ty do BCH Công đoàn phối hợp với BLĐ thực hiện tốt các biện pháp nhắc nhở, kiểm tra an toàn vệ sinh lao động thường xuyên.

Với một công ty có thời gian hoạt động lâu dài và định hướng phát triển dài hạn như ALTA, việc thiết lập Văn hóa Doanh nghiệp và môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại là hết sức cần thiết. Vì vậy mà những năm qua, công ty đã rà soát lại chế độ đãi ngộ nhân viên, tạo dựng các giá trị văn hóa trong công ty, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng không ngoài mục tiêu xây dựng ngôi nhà ALTA thân thiện, chuyên nghiệp và vững vàng. Bên cạnh đó, BCH Cơ sở Công đoàn ALTA luôn cùng với BDH quan tâm đến đời sống tinh thần cũng như chăm lo cuộc sống của người lao động nên liên tục nhiều năm liền đạt thành tích CĐCS Vững mạnh Xuất sắc và được Cờ Thi đua Hoàn thành Xuất sắc Nhiệm vụ liên tục 7 năm liền (từ năm 2018 đến năm 2024) do Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng. Đặc biệt năm 2024, đồng chí Chủ tịch Công đoàn Cơ sở được trao tặng Bằng khen của LĐLĐ Thành phố Hồ Chí Minh “Giải thưởng 28/7” – Dành cho Chủ tịch CĐCS xuất sắc trong hoạt động Công đoàn.

VI. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Năm 2024 doanh thu hợp nhất của công ty tăng 36,5% do tăng cường bán hàng có giá trị lớn như hạt nhựa... Tuy nhiên lợi nhuận trước thuế lại giảm 37,6% do các yếu tố chi phí tăng mạnh.

Sau khi nhìn lại hoạt động điều hành năm 2024 của mình một cách nghiêm túc, khách quan và trung thực. Ban Điều hành nhận thấy trước tình hình khó khăn chung cùng với các diễn biến khó lường, mặc dù toàn thể thành viên công ty đã cố gắng hết sức nhưng vẫn không mang lại kết quả mong muốn, không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2024 của Đại hội Đồng Cổ đông.



VII. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2024, trong bối cảnh khó khăn, thách thức nhiều hơn cơ hội và thuận lợi, tình hình diễn biến lại bất thường, phức tạp vượt mọi dự báo trước đó.

Trong tình hình chung này, năm vừa qua Công ty chúng ta đã cố gắng để giữ vững ổn định mọi mặt sản xuất, tăng cường kinh doanh nhưng vẫn không đạt mục tiêu kế hoạch do Đại hội đồng Cổ đông đề ra.

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) nhận thấy Ban Điều hành (BDH) đã xây dựng các phương án sản xuất vừa giữ vững thị trường, khách hàng vừa tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức và tăng năng suất, phát triển mặt hàng để chiếm lĩnh thị trường cũng như tìm kiếm khách hàng mới.

Những thuận lợi chung

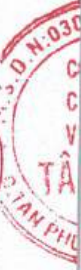
- Tình hình tài chính Công ty luôn ổn định và đủ tiềm lực cung ứng kịp thời cho việc vận hành sản xuất kinh doanh.
- Công ty chú trọng việc vừa ổn định sản xuất vừa nghiên cứu phát triển sản phẩm mới để đón đầu xu hướng kinh doanh và tiêu dùng của xã hội.
- Cơ cấu tổ chức của công ty từng bước được xây dựng hoàn thiện hợp lý hơn, phát huy được tiềm năng của lực lượng lao động tại chỗ và lao động tuyển mới.

Những khó khăn chung

- Lực lượng công nhân tay nghề cao ngày càng mỏng do tuổi tác và tác động của sự dịch chuyển lao động giỏi về các địa phương khác. Việc đào tạo tại chỗ lực lượng công nhân giỏi kế thừa chưa được chú trọng.
- Sau đại dịch khá lâu nhưng sự phục hồi nhu cầu giải trí của các tầng lớp nhân dân chậm lại do khả năng tài chánh của người tiêu dùng sụt giảm dẫn đến thị trường truyền thống trước đây bị thu hẹp, vì vậy việc vừa lấy lại thị trường vừa phát triển khách hàng trở thành một thách thức mới.
- Thu nhập của người lao động tuy có tăng nhưng chưa đáp ứng đủ để bù đắp chi phí sinh hoạt ngày càng tăng cao.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành Công ty

Năm 2024, BDH đã nhanh chóng nắm bắt tình hình mới, khá linh hoạt trong việc vừa ổn định sản xuất vừa tăng sản lượng và phát triển thị trường mới với sản phẩm và khách hàng mới. Tuy nhiên Công ty chúng ta vẫn không hoàn thành kế hoạch năm.



Dvt: đồng

Chỉ tiêu đánh giá hoàn thành kế hoạch	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	So sánh
Lợi nhuận trước thuế	8.750.000.000	5,323,337,691	61%
Lợi nhuận sau thuế	7.000.000.000	3,164,682,460	45%
Chia cổ tức	10%	6%	60%

Một số thành quả được ghi nhận như sau:

- Ổn định sản xuất, tăng cường công tác tiếp thị và gia tăng chăm sóc khách hàng tạo đà tăng trưởng doanh thu cho các sản phẩm chủ yếu và sản phẩm mới của công ty.
- Tận dụng tối đa các nguồn lực để đảm bảo giá thành và định mức lợi nhuận trong hoàn cảnh biến động của các giá trị đầu vào và thực tế khó khăn của năm.
- Trong năm không có biến động nhân sự lớn, lực lượng lao động yên tâm sản xuất kinh doanh và đóng góp nhiều sáng kiến tốt cho việc vận hành doanh nghiệp.

VIII. KẾ HOẠCH NĂM 2025

1. Xác định vị thế công ty 2025

- Sản phẩm ngành nhựa của công ty là bao bì nhựa tự hủy, bao bì chuyên dùng và sản phẩm nhựa mềm đa năng rất phù hợp nhu cầu thị trường và thân thiện với môi trường. Công ty Nhựa Âu Lạc đã xây dựng được đội ngũ kỹ thuật đã chế tạo thành công một số máy chuyên dùng ngành nhựa dùng để sản xuất nội nghiệp đồng thời cung ứng cho khách hàng bên ngoài.
- Công ty con Alta Media đã thành công khi xây dựng một số dòng sản phẩm mới như hệ thống đèn LED quảng cáo đi kèm với nội dung sáng tạo và tương thích, hiện đứng thứ hai về cho thuê LED có nội dung tích hợp tại Tp. HCM.
- Alta Media cũng là công ty đứng trong top đầu các doanh nghiệp cung cấp phần mềm tương tác và công nghệ mô phỏng chuyển động không gian thực... Tạo đột phá với chuyển đổi kỹ thuật số (Digital Transformation), sử dụng công nghệ để tạo ra sự trải nghiệm khách hàng tốt hơn. Góp phần cải tiến sản phẩm và dịch vụ nhằm giúp khách hàng tăng hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó Alta Media cũng nghiên cứu và phát triển hệ thống mạng lưới thiết bị kết nối internet (IoT) nhằm nâng cao giá trị sản phẩm đa dạng.

- Nhóm công ty truyền thông và phần mềm đã trở thành nhà cung cấp uy tín và chuyên nghiệp cho hệ thống thông tin viễn thông, công nghệ lập trình điện tử và cung cấp giải pháp hữu ích cho thị trường số hóa.
- Sản phẩm ngành in của công ty liên kết In Âu Lạc là sản phẩm in bao bì ngành dược và sản phẩm bao bì cao cấp bảo đảm chất lượng tốt và đồng đều ngay cả lô hàng số lượng lớn và đặc biệt là đã khẳng định được đẳng cấp và thể đứng vững vàng trong thị trường đầy cạnh tranh của ngành in.
- Nguồn bất động sản Công ty sở hữu đang chờ các dự án kích hoạt và kế hoạch triển khai đúng thời cơ và hiệu quả.

2.Những điểm mạnh

Ngành sản xuất

- Sản phẩm bao bì nhựa sẽ có nhiều đơn hàng hơn do chiến lược tập trung phát triển khách hàng mới năm 2024 đã bắt đầu phát huy hiệu quả.
- Đội ngũ kỹ thuật vững mạnh với việc tự sản xuất và cải tiến kỹ thuật công nghệ nhựa đã tạo tiền đề cho ngành nghề này của công ty phát triển.
- Sản phẩm bao bì in ấn đặc chủng ngành dược của Công ty In Âu Lạc xây dựng đạt chuẩn phù hợp GMP.

Ngành công nghệ thông tin

- Sau hơn 17 năm hoạt động, Alta Media đã có một danh mục thiết bị phong phú và hiện đại cùng với kinh nghiệm lắp đặt và vận hành bảo đảm thời gian và kỹ thuật.
- Khả năng và kinh nghiệm cung cấp trọn gói kỹ thuật, giải pháp và nội dung công nghệ cho các tập đoàn kinh doanh lớn.
- Sự hỗ trợ và phối hợp của công ty phần mềm trong việc xây dựng các phần mềm quản trị thông minh sẽ giúp cho các đơn vị sản xuất giải được bài toán ERP trong điều hành và sản xuất kinh doanh đồng thời cũng là đơn hàng tốt cho mảng công nghệ phần mềm.

3.Những điểm yếu

Ngành sản xuất

- Công tác đào tạo chưa được chú trọng nên chưa xây dựng được đội ngũ kế thừa vừa chuyên nghiệp vừa sẵn sàng.
- Công nghệ màng nhựa mềm khá đơn giản dẫn đến việc tạo sản phẩm riêng gặp khó khăn do đa số mẫu mã đều phụ thuộc khách hàng.
- Quy trình sản xuất mang tính liên tục và nhanh chóng nên dễ bị bỏ sót lỗi nếu không kiểm tra tốt.

Ngành công nghệ thông tin

- Sự phụ thuộc vào việc cần có vốn lưu động lớn và cần đáp ứng ngay khi có nhu cầu đơn hàng gấp khiến việc xoay chuyển khá khó khăn.
- Vòng đời công nghệ ngắn nên phải nhanh chóng tìm kiếm thêm khách hàng cùng nhu cầu để đưa thiết bị vào được nhiều vòng hoạt động để tối ưu hóa việc giảm chi phí và tăng lợi nhuận.
- Việc xây dựng nội dung cho quảng bá sản phẩm rất đa dạng nhưng phải thích ứng nhu cầu riêng biệt của từng khách hàng tạo nên một bài toán khó cho nhân viên thiết kế.

4. Cơ hội

Ngành sản xuất

- Tập trung đẩy mạnh tiêu thụ vào các kênh tập đoàn bán lẻ mới sẽ trở thành một trong những kênh tiêu thụ thêm vào của sản phẩm Alta.
- Công ty Nhựa Âu Lạc đã được Bộ Tài nguyên Môi trường cấp 2 Quyết định chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam cho sản phẩm túi thân thiện môi trường.
- Công ty cũng hiện đang sản xuất hàng loạt các nhãn hàng bao bì mang thương hiệu của các tập đoàn thương mại lớn...
- Năm 2026 một số loại bao bì sẽ không được sử dụng vì lý do bảo vệ môi trường. Việc xây dựng qui trình sản xuất sản phẩm nhựa phân hủy sinh học từ những năm trước sẽ tạo cơ hội mở thị trường thay thế nhanh chóng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng xanh.

Ngành công nghệ thông tin

- Hành vi của người tiêu dùng đang thay đổi trước sự nổi lên của các tầng lớp trung lưu châu Á hướng tới sử dụng các sản phẩm và dịch vụ có giá trị cao từ nền kinh tế số. Đồng thời, người tiêu dùng cũng ngày càng thích nghi hơn với nền kinh tế số, điều này làm tăng sức ảnh hưởng của các nhóm, những người nổi tiếng/có ảnh hưởng trong nền kinh tế số - đối với hành vi của nhà cung cấp và của người tiêu dùng.
- Công nghệ số mới nổi: Các công nghệ số mới nổi như chuỗi khối (blockchain), trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn và Internet vạn vật (IoT) có thể tạo bước nhảy vọt trong việc nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghiệp, đơn giản hóa chuỗi cung ứng và logistics và giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn.
- Nhu cầu cao hơn về an ninh mạng và bảo mật cá nhân: Số lượng doanh nghiệp và người tiêu dùng tham gia vào nền kinh tế số gia tăng dẫn đến nhu cầu cao hơn về an ninh mạng và bảo mật cá nhân, đặc biệt là khi những lĩnh vực trọng yếu như hệ thống tài chính và chính phủ ngày càng được số hóa.



- Thị trường sự kiện phục hồi cùng với xu hướng marketing bằng công nghệ mới và nhất là bằng sản phẩm quảng bá ngoài trời cũng mang lại cơ hội cho ngành truyền thông điện tử.

5. Những thách thức

Ngành sản xuất

- Hiện nay thị trường đang ngày càng ổn định, sức mua tăng dần đòi hỏi các nhà cung cấp phải cạnh tranh bằng chất lượng và giá thành. Mặt khác các loại chi phí đầu vào lại tiếp tục tăng trong năm 2025, công nghệ mới tự động hóa được đầu tư nhưng công nhân lao động kỹ thuật còn yếu nên năng suất chưa cao, kỹ năng quản trị cấp quản trị trung gian chưa được nâng tầm... sẽ là những yếu tố phải quan tâm hàng đầu của Ban Điều hành.
- Doanh nghiệp sản xuất ngành nhựa đang gặp phải các khó khăn về chuyển đổi xanh và việc tuân thủ các thủ tục hành chính về sản phẩm bảo vệ môi trường.

Ngành công nghệ thông tin

- Doanh nghiệp công nghệ thông tin và giải trí sau thời gian tự thu hẹp phải được phục hồi trên cơ sở cải tiến mạnh, phải biết sáng tạo xu hướng và bảo đảm dịch vụ hậu mãi tốt để nắm bắt và duy trì lượng người dùng ổn định và lớn mạnh.
- Để phát huy điểm mạnh và đón đầu cơ hội, Alta Media cần chú trọng đầu tư thiết bị, nâng cấp công nghệ và quản trị dòng tiền một cách cẩn trọng. Việc cập nhật mới liên tục trên cơ sở sáng tạo cao để tạo khác biệt thông qua dịch vụ LED cao cấp sẽ giúp vượt qua áp lực cạnh tranh về giá.

6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và các giải pháp

a. Bối cảnh kinh tế thế giới

- Chính sách tiền tệ: Nhiều khả năng các ngân hàng trung ương lớn (FED, ECB) duy trì lãi suất ở mức cao hoặc ổn định đến hết 2025 để kiềm chế lạm phát. Dòng vốn FDI có thể dịch chuyển sang Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.
- Giá nguyên vật liệu và năng lượng: Giá dầu, hạt nhựa, nguyên liệu in ấn... vẫn bị tác động bởi xung đột địa chính trị, song biên độ dao động nhỏ hơn giai đoạn 2022–2023.
- Xu hướng “xanh” và chuyển đổi số: Toàn cầu đẩy mạnh cắt giảm phát thải, khuyến khích vật liệu thân thiện môi trường, song song đó, công nghệ AI, điện toán đám mây, big data... tiếp tục chiếm lĩnh. Điều này tạo cơ hội cho Alta Plastics (sản phẩm phân hủy) và Alta Software (giải pháp công nghệ).

b. Tình hình kinh tế – xã hội Việt Nam

- Tăng trưởng GDP: Dự báo ~6,0 – 6,5% năm 2025, nhờ sản xuất – thương mại – dịch vụ khởi sắc, đầu tư công quy mô lớn (cao tốc, hạ tầng trọng điểm).
- Lãi suất và chính sách hỗ trợ: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng đến hạ hoặc duy trì lãi suất ở mức vừa phải, hỗ trợ doanh nghiệp dễ tiếp cận vốn hơn.
- Nhu cầu thị trường:
 - o Bao bì “xanh”: Chính phủ siết chặt quy định nhựa sử dụng một lần, thúc đẩy doanh nghiệp và người tiêu dùng chuyển sang loại phân hủy sinh học.
 - o Truyền thông & sự kiện: Doanh nghiệp cạnh tranh gay gắt, đua nhau tổ chức sự kiện, hội chợ, chiến dịch marketing, tạo cơ hội cho Alta Media.
 - o Chuyển đổi số: Cả khối doanh nghiệp và Nhà nước đều cần phần mềm, hạ tầng CNTT, triển khai ERP, CRM... Mảng này có biên lợi nhuận cao và tiềm năng bền vững.

c. Tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu chiến lược

- Tầm nhìn (Vision): Trở thành một tập đoàn đa ngành tiên phong tại Việt Nam, dẫn đầu về giải pháp “xanh” (trong lĩnh vực bao bì, vật liệu) và chuyển đổi số, đồng thời nâng cao giá trị văn hóa – thông tin mà Alta Group kế thừa từ lịch sử thành lập năm 1989.
- Sứ mệnh (Mission):
 - o Alta Group mang đến những sản phẩm, dịch vụ chất lượng và bền vững, đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực truyền thông – công nghệ – bao bì môi trường.
 - o Tạo ra giá trị lâu dài cho khách hàng, đối tác, nhân viên và cổ đông, gắn liền với trách nhiệm cộng đồng.
- Mục tiêu chiến lược 2025
 - o Doanh thu: Phấn đấu tăng 10–15% so với 2024, tập trung vào ba mảng chủ lực (Media, Plastics, Software).
 - o Lợi nhuận: Cải thiện biên lợi nhuận ròng, đảm bảo tốc độ tăng lợi nhuận ít nhất 20 – 25%/năm, bù đắp phần chi phí đầu tư.
 - o Vị thế thương hiệu:
 1. Alta Media trở thành top 5 về giải pháp LED & sự kiện.

2. Alta Plastics khẳng định tên tuổi nhà cung cấp bao bì phân hủy hàng đầu nội địa, tiếp cận xuất khẩu bền vững.
3. Alta Software phủ rộng giải pháp ERP/CRM cho SMEs, phát triển một số dự án chuyển đổi số quy mô lớn

d. Tư duy Hệ sinh thái One Alta

- Khái niệm “One Alta”
 - o One Alta nhấn mạnh sự hợp lực (synergy) giữa các công ty con, thay vì hoạt động rời rạc. Từ đó, Alta Group tiết kiệm chi phí, tối đa hiệu quả.
 - o Ba công ty con Alta Media, Alta Plastics, Alta Software đóng vai trò “ba mũi nhọn” trong hệ sinh thái, cung cấp giải pháp toàn diện cho khách hàng, đồng thời tận dụng dịch vụ lẫn nhau.
- Cơ chế phối hợp
 - o Chia sẻ khách hàng và dự án: Khách hàng của Alta Plastics (doanh nghiệp bán lẻ, F&B...) có thể cần giải pháp marketing (Alta Media) hoặc chuyển đổi số (Alta Software). Alta Media, khi thực hiện sự kiện cho doanh nghiệp công nghiệp, hoàn toàn có thể giới thiệu sang Plastic (bao bì xanh) hoặc Software (giải pháp nội bộ).
 - o Tận dụng hạ tầng chung: Hệ thống quản trị tài chính, kế toán, nhân sự ERP dùng chung, do Alta Software phát triển và vận hành. Hạ tầng marketing, website, truyền thông – do Alta Media hỗ trợ.
- Liên kết tài chính
 - o Lợi nhuận và dòng tiền của từng công ty con hỗ trợ lẫn nhau (VD: Media có dòng tiền xoay vòng nhanh, có thể giúp đỡ Plastics trong giai đoạn đầu tư máy móc).
- Chung tay nâng cao thương hiệu tập đoàn
 - o Đồng bộ hình ảnh, logo, khẩu hiệu “One Alta” trong tất cả hoạt động PR, ấn phẩm, sự kiện nội bộ và bên ngoài.

1. Kế hoạch chung

- Ban chỉ đạo One Alta
 - o Bao gồm đại diện HĐQT, CEO của group, Giám đốc các công ty con, Giám đốc tài chính, Giám đốc nhân sự.
 - o Họp định kỳ (ít nhất quý 1 lần) để đánh giá tiến độ, phân bổ nguồn lực, giải quyết vướng mắc liên công ty.
- Bộ phận quản lý tài chính – rủi ro
 - o Theo dõi dòng tiền, kế hoạch đầu tư, vay nợ.
 - o Xây dựng các kịch bản ứng phó biến động kinh tế (VD: giá nguyên liệu tăng, lãi suất đột biến...).
- Trung tâm hỗ trợ vận hành
 - o Hỗ trợ khía cạnh marketing chung, truyền thông “One Alta” ra thị trường.
 - o Xây dựng cẩm nang (brand book), chính sách nhân sự đồng nhất, quy trình mua hàng tập trung nếu cần.

2. Lộ trình triển khai năm 2025

- Quý I – II/2025
 - o Hoàn thiện kế hoạch tài chính, phê duyệt ngân sách đầu tư cho Media (màn hình LED), Plastics (máy móc), Software (R&D).
 - o Bắt đầu triển khai ERP nội bộ, do Alta Software cung cấp, áp dụng ở cả Media, Plastics.
 - o Alta Media: Đẩy mạnh marketing dịch vụ sự kiện, cho thuê LED, hoàn chỉnh đội lắp đặt LED cố định.
 - o Alta Plastics: Ra mắt 1–2 dòng sản phẩm nhựa phân hủy nâng cấp, cải tiến công nghệ in ấn bao bì.
 - o Alta Software: Tung phiên bản thử nghiệm SaaS (ERP/CRM) nội bộ và cho nhóm khách pilot.

- Quý III – IV/2025

- o Đánh giá kết quả 6 tháng: điều chỉnh ngân sách, xem mảng nào cần tăng tốc đầu tư.
- o Alta Media: Tham gia đấu thầu 1–2 dự án LED cố định quy mô vừa (trung tâm văn hóa, tòa nhà hành chính). Mùa lễ hội cuối năm – bùng nổ nhu cầu sự kiện.
- o Alta Plastics: Ký kết 1–2 hợp đồng xuất khẩu, tham gia hội chợ nhựa/bao bì quốc tế.
- o Alta Software: Ra mắt chính thức sản phẩm SaaS, mở rộng kênh bán hàng B2B, hợp tác hiệp hội doanh nghiệp.

- Cuối năm 2025

- o Rà soát KPI doanh thu, lợi nhuận, đánh giá mức đạt được (mục tiêu 25–30% tăng trưởng).
- o Chuẩn bị kế hoạch 2026 – tiếp tục phát huy “One Alta”, có thể nghiên cứu mở rộng sang mảng liên quan khác (nếu phù hợp chiến lược).

3. Quản trị rủi ro chung

- Biến động kinh tế vĩ mô: Lập kịch bản cho trường hợp lãi suất tăng hoặc cầu thị trường suy yếu. Duy trì dự trữ tiền mặt hoặc hạn mức tín dụng an toàn.
- Rủi ro cạnh tranh: Cạnh tranh từ doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực. Alta Group cần liên tục cải tiến, duy trì quan hệ khách hàng bền vững.
- Rủi ro nhân sự: Tập đoàn cần chính sách đào tạo, giữ chân người tài, tạo môi trường làm việc tốt.
- Uy tín thương hiệu: Bất kỳ sự cố lớn (sản phẩm lỗi, dự án chậm tiến độ...) đều có thể ảnh hưởng xấu đến “One Alta”. Cần quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt.

4. Kết luận và đề xuất

- Kết luận tổng thể



- Alta Group bước vào năm 2025 với đà phục hồi từ 2024, cộng với cơ hội thị trường trong lĩnh vực sự kiện – LED, bao bì phân hủy, và chuyển đổi số.
- Ba công ty con Alta Media, Alta Plastics, Alta Software thể hiện sức bật và tiềm năng tạo biên lợi nhuận cao nếu được đầu tư trọng điểm.
- Chiến lược “One Alta” giúp chia sẻ tài nguyên, nâng cao hiệu quả, xây dựng thương hiệu hợp nhất, tạo vị thế vững chắc trên thị trường.

- Đề xuất

- Tập trung vốn đầu tư: Dồn ngân sách cho các hạng mục cốt lõi (mua màn hình LED, nâng cấp máy móc nhựa, phát triển phần mềm) thay vì dàn trải sang lĩnh vực không ưu tiên.
- Tăng cường truyền thông nội bộ và bên ngoài: Triển khai chiến lược marketing chung “One Alta”, nhấn mạnh thông điệp “Công nghệ – Sự kiện – Bao bì xanh” là ba trụ cột chính. Tham gia hội chợ, triển lãm, diễn đàn để khẳng định vị thế thị trường.
- Nâng cao năng lực nhân sự: Tuyển dụng nhân tài, đào tạo chuyên sâu, xây lộ trình thăng tiến rõ ràng. Chú trọng nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới (AI, data analytics cho Software; PLA, PBAT cho Plastics; thiết bị LED thông minh cho Media).
- Quản trị rủi ro và minh bạch tài chính: Có cơ chế giám sát dòng tiền, hợp đồng, các dự án đầu tư; công khai minh bạch trong báo cáo nội bộ. Rà soát rủi ro về pháp lý (đấu thầu, thủ tục xuất khẩu, xử lý môi trường...).

5. Các giải pháp

Công ty phải thực hiện các giải pháp phù hợp và đồng bộ để triển khai việc thực hiện kế hoạch năm 2024 như sau:

- Giải pháp tài chính.
- Giải pháp sản xuất.
- Giải pháp marketing.
- Giải pháp nhân lực.
- Giải pháp công nghệ – kỹ thuật.

- Giải pháp quản lý và điều hành.

6. Các chỉ tiêu tài chính kế hoạch 2024

Đvt :
VNĐ

Chỉ tiêu đánh giá kế hoạch	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025
Lợi nhuận trước thuế	5.323.337.691	8.750.000.000
Lợi nhuận sau thuế	3.164.682.460	7.000.000.000
Chia cổ tức	6%	10%

VI. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

a. Thành viên HĐQT

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT
01	Ông LA THỂ NHÂN	Chủ Tịch	15/08/1998
02	Bà LẠI THỊ HỒNG DIỆP	Phó CT	15/08/1998
03	Ông HOÀNG VĂN ĐIỀU	Thành viên	15/08/1998
04	Ông HOÀNG MINH ANH TÚ	Thành viên	26/03/2012
05	Ông NGUYỄN MINH TUẤN	Thành viên	14/04/2017
06	Ông TRỊNH XUÂN QUANG	Thành viên	22/06/2022
07	Ông ĐOÀN THANH HẢI	Thành viên	22/06/2022
08	Ông NGUYỄN ANH	Thành	22/06/2022

2007
CÔNG TY
HẠN
HỮU
BÌNH
HỘ CHẾ

THUẬN	viên
-------	------

b. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Với quy mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ chuyên trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

c. Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2024 HĐQT Nhiệm kỳ 6 có 07 cuộc họp định kỳ và cuộc họp theo yêu cầu phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
01	Ông LA THỂ NHÂN	07/07	100%
02	Bà LẠI THỊ HỒNG DIỆP	07/07	100%
03	Ông HOÀNG VĂN ĐIỀU	07/07	100%
04	Ông HOÀNG MINH ANH TÚ	07/07	100%
05	Ông NGUYỄN MINH TUẤN	07/07	100%
06	Ông TRỊNH XUÂN QUANG	07/07	100%
07	Ông ĐOÀN THANH HẢI	07/07	100%
08	Ông NGUYỄN ANH THUẬN	07/07	100%

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị :

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
01	02/2024/NQ-HĐQT	04/03/2024	Tổ chức Đại hội Cổ đông Thường niên năm 2024 ngày 23/4/2024
02	07/2024/NQ-HĐQT	15/03/2024	Tổ chức Đại hội Cổ đông Thường niên năm 2024 ngày 26/4/2024
03	01/NQĐHCD/2024	26/04/2024	Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên 2024

d. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám Đốc

- Hàng quý xem xét báo cáo điều hành và báo cáo tài chính của BDH công ty.
- Rà soát việc thực thi kế hoạch ĐHCĐ hàng năm và công tác quản trị của BDH.
- Truyền đạt những yêu cầu và mong đợi của HĐQT cho kỳ kinh doanh tới.
- Kiểm chứng lại mức độ chính xác của các thông tin mà BDH cung cấp.
- Dự báo rủi ro có thể xảy ra và yêu cầu BDH có biện pháp phòng chống cụ thể.
- Kiểm tra các hoạt động Kiểm soát nội bộ.
- Kiểm tra hoạt động của các phòng ban liên quan đến việc tổ chức ĐHCĐ 2024.
- Rà soát các quyết định phân công và bổ nhiệm lại các chức danh quản lý trong công ty.

e. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

- Các thành viên HĐQT độc lập cùng tham gia các phiên họp định kỳ và bất thường đồng thời thực thi trách nhiệm của mình cùng với các TVHĐQT khác.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS
01	Ông NGUYỄN VĂN DANH	Trưởng ban	22/06/2022
02	Bà THÁI THỊ PHƯỢNG	Phó ban	26/03/2012
03	Bà QUÁCH THỊ MAI TRANG	Thành viên	26/03/2012

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
01	Ông NGUYỄN VĂN DANH	4/4	100%	100%

02	Bà THÁI THỊ PHƯỢNG	4/4	100%	100%
03	Bà QUÁCH THỊ MAI TRANG	4/4	100%	100%

- Hoạt động của Ban kiểm soát tuân theo quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều lệ Công ty, quy chế quản trị Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Trong năm 2024, Ban Kiểm soát tiến hành các cuộc họp định kỳ vào hàng quý để đánh giá tình hình tài chính, hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và sự phối hợp giữa các bộ phận này. Trong trường hợp đặc biệt và khẩn cấp, BKS tổ chức các cuộc họp bất thường để thống nhất kịp thời về phương án giải quyết vấn đề nảy sinh. BKS tham gia vào các cuộc họp của HĐQT và góp ý kiến của mình theo nguyên tắc trình tự của cuộc họp.

c. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Giám sát việc thực hiện các chế độ báo cáo thống kê, khai thuế hàng tháng, báo cáo tài chính.
- Kiểm tra và xác nhận Báo cáo Tài chính 2023, 2024 phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành.

d. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Phối hợp với HĐQT-BĐH-Các cán bộ quản lý về việc xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh.
- Góp ý hoàn thiện việc báo cáo định kỳ của các đơn vị trực thuộc.

3. Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích của HĐQT, BGĐĐH và BKS

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Lương thưởng và thù lao của HĐQT, BGĐĐH và BKS thực hiện theo quy chế lương thưởng, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và các quy chế về đánh giá hoạt động khác.

Trong năm 2024, tổng thù lao HĐQT nhận được là 330 triệu đồng và tổng thù lao Ban kiểm soát nhận được là 70 triệu đồng. Ban giám đốc điều hành nhận lương theo quy chế lương và thỏa thuận lao động với Công ty.



b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2024

Stt	Họ tên	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ	Ghi chú
1	HOÀNG VĂN ĐIỀU	582.000	10,15%	
1.1	HOÀNG MINH ANH TÚ	560.595	9,77%	Con trai Ông Hoàng Văn Điều
1.2	MAI CHI MAI			Con dâu ông Hoàng Văn Điều
1.3	HOÀNG MINH ANH TÀI	282.100	4,92%	Con trai Ông Hoàng Văn Điều
1.4	LẠC HẢI BÌNH	2.000	0,03%	Con dâu ông Hoàng Văn Điều
1.5	HOÀNG NGỌC MAI LAN	786	0,01%	Em gái ông Hoàng Văn Điều

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu và cổ phiếu ALT

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ALT chốt sổ ngày 01/4/2025. của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt nam.

a. Cổ phần

Vốn điều lệ: 61.725.523.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 6.172.523 cổ phiếu



Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Cổ phiếu thường: 6.172.523 cổ phiếu
 - Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
 Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.736.709 cổ phiếu
 Số lượng cổ phiếu quỹ: 435.814 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu / VDL
I	Cổ đông trong nước	531	5.979.207	96,87%
	Cổ đông nhà nước	1	760.211	12,32%
	Cổ đông tổ chức	7	1.210.474	19,61%
	Cổ đông cá nhân	522	3.572.708	57,88%
	Cổ phiếu quỹ	1	435.814	7,06%
II	Cổ đông nước ngoài	27	193.316	3,13%
	Cổ đông tổ chức	2	21.321	0,35%
	Cổ đông cá nhân	25	171.995	2,79%
	Tổng cộng	558	6.172.523	100%

d. Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ/CPBQ	Tỷ lệ/TSCP
1	Công Ty Cổ phần Địa ốc ACB	1.051.244	18,32%	17,03%
2	Tổng Cty LIKSIN	760.211	13,25%	12,32%
3	Hoàng Văn Điều	582.000	10,15%	9,43%
4	Hoàng Minh Anh Tú	560.595	9,77%	9,08%
5	Lại Thị Hồng Điệp	355.863	5,77%	5,77%
6	La Thế Nhân	295.550	5,15%	4,79%
	Tổng cộng	3.605.463	62,85%	58,41%



TỔNG GIÁM ĐỐC

HOÀNG MINH ANH TÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 08 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông La Thế Nhân	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó chủ tịch
Ông Hoàng Văn Điều	Thành viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
Ông Trịnh Xuân Quang	Thành viên
Ông Đoàn Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Thuận	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
-----------------------	-------------------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Danh	Trưởng ban
Bà Thái Thị Phụng	Thành viên
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Hoàng Minh Anh Tú – Tổng Giám đốc điều hành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 29 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty đang theo dõi trên khoản mục "Trả trước cho người bán ngắn hạn" (Mã số 132) khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova nhằm đặt mua căn hộ tại các dự án Aqua Waterfront City, Aqua Riverside City và VTV4-19.06 thuộc dự án Victoria Village với tổng số tiền 8.284.718.612 VND. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên, không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi cũng như tổn thất (nếu có) liên quan đến các khoản trả trước này tại 31/12/2024 cũng như những ảnh hưởng đối với các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2025

Đặng Huy Hoàng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4461-2023-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		227.274.462.809	184.029.658.367
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	14.026.780.968	6.735.071.552
111	1. Tiền		12.026.780.968	6.735.071.552
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	58.287.291.464	72.650.000.187
121	1. Chứng khoán kinh doanh		725.549.276	616.049.276
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(81.014.775)	(14.199.975)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		57.642.756.963	72.048.150.886
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		99.522.986.806	61.780.263.891
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	84.794.313.581	47.626.208.537
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.714.654.000	14.047.377.127
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	235.315.570	327.974.572
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(221.296.345)	(221.296.345)
140	IV. Hàng tồn kho	9	52.838.780.692	40.234.892.062
141	1. Hàng tồn kho		52.838.780.692	40.234.892.062
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.598.622.879	2.629.430.675
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	1.529.616.251	425.307.893
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		912.122.650	2.081.329.500
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	156.883.978	122.793.282
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		130.903.128.962	139.621.751.589
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		427.860.479	189.750.479
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	427.860.479	189.750.479
220	II. Tài sản cố định		65.249.319.295	61.127.014.373
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	61.421.614.544	57.264.586.006
222	- Nguyên giá		224.084.100.248	203.730.626.984
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(162.662.485.704)	(146.466.040.978)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	129.420.200	351.283.400
225	- Nguyên giá		1.109.316.000	1.109.316.000
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(979.895.800)	(758.032.600)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	3.698.284.551	3.511.144.967
228	- Nguyên giá		7.324.530.397	6.943.530.397
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.626.245.846)	(3.432.385.430)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
230	III. Bất động sản đầu tư	14	30.483.293.954	25.200.362.079
231	- Nguyên giá		57.552.819.888	51.544.546.189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.069.525.934)	(26.344.184.110)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	2.134.981.677	9.655.709.431
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.134.981.677	9.655.709.431
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	22.852.121.455	21.769.421.449
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		22.323.220.078	21.293.400.146
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		159.699.200	159.699.200
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		369.202.177	316.322.103
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.755.552.102	21.679.493.778
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	9.633.837.816	21.517.208.064
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		121.714.286	162.285.714
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		358.177.591.771	323.651.409.956

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		143.294.876.006	106.196.667.651
310	I. Nợ ngắn hạn		139.918.144.393	104.279.414.370
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	60.393.009.818	38.853.585.937
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	3.732.129.839	1.104.544.524
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	2.188.095.226	1.359.613.006
314	4. Phải trả người lao động		10.957.453.048	8.733.315.602
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	16.335.606
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	30.226.279.981	17.219.616.922
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	31.720.807.706	36.292.033.998
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		700.368.775	700.368.775
330	II. Nợ dài hạn		3.376.731.613	1.917.253.281
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	17	239.171.074	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	158.000.000	-
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	326.120.000	899.819.614
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		2.653.440.539	1.017.433.667
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		214.882.715.765	217.454.742.305
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	214.882.715.765	217.454.742.305
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61.725.230.000	61.725.230.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		61.725.230.000	61.725.230.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137.662.054.443	137.662.054.443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	2.140.945.047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11.666.581.607)	(11.666.581.607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2.243.857.861	2.243.857.861
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.777.210.021	25.349.236.561
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		19.612.527.561	18.329.796.655
421b	LNST chưa phân phối năm nay		3.164.682.460	7.019.439.906
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		358.177.591.771	323.651.409.956

Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	415.008.580.982	304.082.597.574
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	192.748.442	352.003.363
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		414.815.832.540	303.730.594.211
11	4. Giá vốn hàng bán	26	365.095.055.850	260.601.563.379
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		49.720.776.690	43.129.030.832
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	4.464.181.214	5.609.748.901
22	7. Chi phí tài chính	28	4.184.141.295	3.474.591.674
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.418.648.878	1.859.139.515
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.029.819.932	148.661.173
25	9. Chi phí bán hàng	29	17.946.747.218	12.370.887.138
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	27.784.254.281	26.025.040.571
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.299.635.042	7.016.921.523
31	12. Thu nhập khác	31	150.569.026	2.234.067.392
32	13. Chi phí khác	32	126.866.377	685.505.597
40	14. Lợi nhuận khác		23.702.649	1.548.561.795
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.323.337.691	8.565.483.318
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	482.076.931	1.602.383.313
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		1.676.578.300	(56.339.901)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.164.682.460	7.019.439.906
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		3.164.682.460	7.019.439.906
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	552	1.224

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.323.337.691	8.565.483.318
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		17.337.510.166	14.895.456.145
03	- Các khoản dự phòng		66.814.800	(197.276.838)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		125.708.848	535.817.232
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.707.073.416)	(5.735.474.981)
06	- Chi phí lãi vay		2.418.648.878	1.859.139.515
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	9.081.000
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20.564.946.967	19.932.225.391
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(36.903.436.318)	8.807.932.489
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(12.603.888.630)	8.461.223.314
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		41.072.811.965	10.384.687.237
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		10.779.061.890	(17.793.262.986)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(109.500.000)	75.049.603
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.418.648.878)	(1.859.139.515)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.014.130.355)	(2.376.011.743)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(18.537.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		19.367.216.641	25.614.166.790
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(22.023.007.577)	(25.436.750.042)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.152.240.481	90.909.091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(39.214.383.788)	(72.364.472.989)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		53.566.897.637	61.690.035.029
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.383.720.928	5.695.951.095
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.134.532.319)	(30.324.327.816)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		117.050.110.098	81.138.647.508
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(122.017.545.444)	(77.933.367.315)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(177.490.560)	(177.490.560)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.796.049.000)	(5.718.524.100)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(10.940.974.906)	(2.690.734.467)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		7.291.709.416	(7.400.895.493)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		6.735.071.552	14.130.215.548
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	5.751.497
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	14.026.780.968	6.735.071.552

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2024****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 08 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.320.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 61.725.230.000 VND; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 404 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 386 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất phần mềm, phát triển sản phẩm công nghệ thông tin;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ;
- Kinh doanh cho thuê mặt bằng;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ kho vận.
- Dịch vụ văn hóa giải trí.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Công nghệ thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Cấu trúc Tập đoàn (tiếp theo)

Công ty có 01 công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2023:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ	Tỷ lệ quyền	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	37,60%	37,60%	Lĩnh vực in ấn

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các năm trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu năm báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các năm trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong năm, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết năm báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động dịch vụ được tập hợp theo từng hợp đồng chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động sản xuất được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
--------------------------	---------	-----

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 098/HĐHTKD ngày 22/07/2020 giữa Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc và Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ với các điều khoản chi tiết sau:

- + Tài sản hợp tác: Hệ thống trình diễn màn hình nước, hệ thống trình chiếu Laser, hệ thống âm thanh, nội dung trình chiếu trên màn hình nước, hệ thống nhạc nước, hệ thống ánh sáng các photobooth cùng nhân sự vận hành, nhằm trình diễn phục vụ cho khách tham quan tại Công viên Văn hoá Đầm sen.
- + Phạm vi hợp tác: Các Bên cùng nhau hợp tác kinh doanh, điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh, quảng cáo sản phẩm tại Công viên Văn hóa Đầm sen để cùng tăng lượng khách tham quan, phát sinh doanh thu và phân chia doanh thu thu được;
- + Thời gian hợp tác: 7 năm tính từ ngày Hệ thống được nghiệm thu đưa vào hoạt động chính thức;
- + Hình thức hợp tác: Tài sản đồng kiểm soát.

2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng;
- Chi phí sửa chữa tài sản, chi phí vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thuê màn hình Led được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 36 tháng.

2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 . Chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.23 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.24 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.27 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.28 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	734.417.962	1.134.694.291
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.292.363.006	5.600.377.261
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	-
	14.026.780.968	6.735.071.552

Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng, có giá trị 2.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu với lãi suất 4,7%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	57.642.756.963	-	72.048.150.886	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	57.642.756.963	-	72.048.150.886	-
Đầu tư dài hạn	369.202.177	-	316.322.103	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (**)	369.202.177	-	316.322.103	-
	58.011.959.140	-	72.364.472.989	-

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,8%/năm đến 7%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tân Bình với số tiền 2.742.348.958 VND được dùng để làm tài sản đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tân Bình.

(**) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 4,1%/năm đến 4,3%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tân Bình với số tiền 369.202.177 VND được dùng để làm tài sản đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tân Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp)

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (Mã CK: AGG)	90.540.000	58.135.000	90.540.000	80.030.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Idico (Mã CK: IDC)	394.400.000	445.600.000	394.400.000	394.400.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vincom Retail (Mã CK: VRE)	117.500.000	85.750.000	117.500.000	116.500.000
Cổ phiếu CTCP Đông Hải Bến Tre (Mã CK: DHC)	109.500.000	94.250.000	-	-
Cổ phiếu khác	13.609.276	19.774.900	13.609.276	10.919.301
	725.549.276	703.509.900	616.049.276	601.849.301
		(81.014.775)		(14.199.975)

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX và HOSE tại ngày 29/12/2023 và 31/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẤN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp)

c) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

Tại ngày 31/12/2024, tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc là 37,6%. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày 01/01/2024 và ngày 31/12/2024 lần lượt là 21.293.400.146 VND và 22.401.168.496 VND.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 40 .

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	159.699.200	226.566.000	-	159.699.200	250.880.400	-
- Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai - DPP (11.052 cổ phiếu) (1)	100.199.200	226.566.000	-	100.199.200	250.880.400	-
- Công ty Cổ phần Giấy Lệ Hoa (5.450 cổ phiếu) (2)	59.500.000	-	-	59.500.000	-	-
	159.699.200	226.566.000	-	159.699.200	250.880.400	-

(1) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn UPCOM tại ngày 29/12/2023 và 31/12/2024.

(2) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần thương mại Bách Hóa Xanh	7.703.789.904	-	8.290.540.269	-
- Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	965.442.294	-	181.247.063	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hoàng Hải	44.000.000	-	44.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Unigons Việt Nam	5.254.568.037	-	6.484.302.425	-
- Công ty TNHH Kỹ Thuật Xây dựng Đồng Phong (Việt Nam)	-	-	3.047.343.663	-
- Công ty Cổ phần Bao bì Hải Hà	24.588.505.938	-	-	-
- Sò Thông Tin & Truyền Thông Tỉnh Hậu Giang	10.572.188.389	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	35.665.819.019	(221.296.345)	29.578.775.117	(221.296.345)
	84.794.313.581	(221.296.345)	47.626.208.537	(221.296.345)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova	8.284.718.612	-	8.284.718.612	-
- Công ty Cổ phần Novareal	2.612.265.248	-	2.612.265.248	-
- Trả trước cho người bán khác	3.817.670.140	-	3.150.393.267	-
	14.714.654.000	-	14.047.377.127	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	57.719.557	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	304.015	-
- Ký cược, ký quỹ	36.637.436	-	62.725.436	-
- Phải thu khác	198.678.134	-	207.225.564	-
	235.315.570	-	327.974.572	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	427.860.479	-	189.750.479	-
	427.860.479	-	189.750.479	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam	84.428.747	-	84.428.747	-
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Nhân Văn	35.345.200	-	35.345.200	-
- Nhà Sách Nguyễn Văn Cừ I	19.426.500	-	19.426.500	-
- Đối tượng khác	82.095.898	-	82.095.898	-
	221.296.345	-	221.296.345	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	14.714.188.487	-	17.257.473.287	-
- Công cụ, dụng cụ	2.422.745.058	-	2.264.873.434	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	4.363.208.669	-	518.816.566	-
- Thành phẩm	29.280.869.423	-	18.838.032.109	-
- Hàng hoá	2.057.769.055	-	1.355.696.666	-
	52.838.780.692	-	40.234.892.062	-

(*) Tên Dự án: Hệ thống các thiết bị phục vụ cho đô thị thông minh

Địa điểm thực hiện: Sở thông tin và Truyền thông tỉnh Hậu Giang;

Mục đích dự án: thuộc gói thầu mua sắm thiết bị, phần mềm hệ thống các thiết bị phục vụ cho đô thị thông minh;

Chủ đầu tư: Sở Thông tin và Truyền thông Tỉnh Hậu Giang;

Tổng giá trị hợp đồng: 21.575.894.670 VND;

Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: 150 ngày kể từ ngày 06/12/2024;

Tình trạng dự án đến thời điểm 31/12/2024: Công ty đã triển khai xong giải đoạn lắp đặt thiết bị chiếu sáng, bảng biểu và bắt đầu bước sang giai đoạn lắp đặt hệ thống thiết bị điều khiển.

10 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.038.285.677	846.447.364
- Dự án thi công hệ thống PCCC của Hệ thống điện Năng lượng mặt trời	1.212.730.307	741.636.364
- Dự án thi công hệ thống PCCC tại 91B Phan Văn Hai	650.870.370	-
- Lót đậu xe tại Celadon vị trí (A5b) B2.242	174.685.000	104.811.000
Mua sắm tài sản cố định	96.696.000	8.809.262.067
- Mua sắm căn hộ SR.E1A-04.10	-	2.800.988.368
- Mua sắm căn hộ Celedon	-	6.008.273.699
- Chi phí thiết kế Phần mềm Fast Business	96.696.000	-
	2.134.981.677	9.655.709.431

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	47.433.157.840	134.026.756.165	15.425.653.275	6.386.448.533	458.611.171	203.730.626.984
- Mua trong năm	-	19.918.534.021	83.333.334	351.605.909	-	20.353.473.264
Số dư cuối năm	47.433.157.840	153.945.290.186	15.508.986.609	6.738.054.442	458.611.171	224.084.100.248
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	34.237.017.840	94.734.412.454	11.137.916.671	6.125.564.417	231.129.596	146.466.040.978
- Khấu hao trong năm	7.554.796.996	6.876.210.993	1.242.519.180	486.160.112	36.757.445	16.196.444.726
Số dư cuối năm	41.791.814.836	101.610.623.447	12.380.435.851	6.611.724.529	267.887.041	162.662.485.704
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	13.196.140.000	39.292.343.711	4.287.736.604	260.884.116	227.481.575	57.264.586.006
Tại ngày cuối năm	5.641.343.004	52.334.666.739	3.128.550.758	126.329.913	190.724.130	61.421.614.544

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 199.315.611 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 53.334.405.320 VND.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là hệ thống bộ tấm năng lượng mặt trời và các thiết bị kèm theo có nguyên giá là 1.109.316.000 VND, giá trị hao mòn lũy kế tới thời điểm 31/12/2024 là 979.895.800 VND, khấu hao trong năm là 221.863.200 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.237.885.093	705.645.304	6.943.530.397
- Mua trong năm	-	381.000.000	381.000.000
Số dư cuối năm	6.237.885.093	1.086.645.304	7.324.530.397
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.726.740.126	705.645.304	3.432.385.430
- Khấu hao trong năm	149.410.416	44.450.000	193.860.416
Số dư cuối năm	2.876.150.542	750.095.304	3.626.245.846
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	3.511.144.967	-	3.511.144.967
Tại ngày cuối năm	3.361.734.551	336.550.000	3.698.284.551

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 705.645.304 VND.

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê. Nguyên giá tại thời điểm 01/01/2024 và 31/12/2024 là 51.544.546.189 VND; hao mòn lũy kế tại thời điểm 01/01/2024 và 31/12/2024 lần lượt là 26.344.184.110 VND và 27.069.525.934 VND, khấu hao trong năm là 725.341.824 VND.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Công ty là căn hộ B3.10.05 tại Khu Diamond Brilliant thuộc dự án Celadon City Phường Sơn Kỳ có địa chỉ tại Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá tại thời điểm 31/12/2024 là 6.008.273.699 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động cho thuê bất động sản phát sinh trong năm 2024 được trình bày tại thuyết minh số 24 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và số tiền thuê dự kiến thu được trong tương lai của các hợp đồng cho thuê mặt bằng được trình bày tại thuyết minh số 23 - Các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	404.237.223	381.323.934
Bảo hiểm thân vỏ xe ô tô	32.395.151	1.281.250
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.092.983.877	42.702.709
	1.529.616.251	425.307.893
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	292.586.930	205.925.561
Công cụ dụng cụ xuất dùng	7.108.249.470	20.771.170.483
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.233.001.416	540.112.020
	9.633.837.816	21.517.208.064

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	-	-	9.136.800	9.136.800
- Công Ty Cổ Phần In Thương Mại Quảng Cáo Âu Lạc	-	-	9.136.800	9.136.800
Bên khác	60.393.009.818	60.393.009.818	38.844.449.137	38.844.449.137
- Shenzhen Infiled Electronics Co., Ltd	-	-	10.837.556.684	10.837.556.684
- Tricon Dry Chemicals LLC	-	-	2.403.660.600	2.403.660.600
- CTCP Bao Bì Hải Hà	25.277.697.594	25.277.697.594	-	-
- Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Sơn Hà	9.478.358.948	9.478.358.948	168.354.342	168.354.342
- Phải trả các đối tượng khác	25.636.953.276	25.636.953.276	25.434.877.511	25.434.877.511
	60.393.009.818	60.393.009.818	38.853.585.937	38.853.585.937

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Bên khác		
- Trường Đại học Kinh tế - Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh	-	225.150.456
- Công ty Cổ phần Truyền thông và Dịch vụ Rồng Việt	-	227.235.000
- Công ty Công nghệ và Nghệ thuật Thị giác	437.074.653	-
- Công ty TNHH Cheil Việt Nam	567.094.500	-
- Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Việt Nam	432.630.000	-
- Đối tượng khác	2.295.330.686	652.159.068
	3.732.129.839	1.104.544.524
b) Dài hạn		
Bên khác		
- Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân	239.171.074	-
	239.171.074	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	7.154.698	89.174.120
- Bảo hiểm xã hội	1.068.245	142.632.853
- Bảo hiểm y tế	-	69.553.688
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	30.311.790
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.290.182.872	7.371.182.872
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	60.386.030	119.726.030
- Quỹ phải trả người lao động	1.016.597.442	1.073.555.442
- Tiền thưởng Ban điều hành	420.915.454	420.915.454
- Bà Trần Thị Huệ (*)	21.286.300.000	7.630.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	143.675.240	272.564.673
	30.226.279.981	17.219.616.922
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	158.000.000	-
	158.000.000	-

(*) Khoản mượn tiền bà Trần Thị Huệ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	2.279.200	228.613.333	12.690.532.101	11.814.438.280	36.369.896	1.138.797.850
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	545.907.606	545.907.606	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	120.514.082	993.114.788	482.076.931	1.014.130.355	120.514.082	461.061.364
Thuế Thu nhập cá nhân	-	104.478.660	2.145.591.140	1.661.833.788	-	588.236.012
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	33.406.225	91.189.264	124.595.489	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	70.050.000	70.050.000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	20.118.759	20.118.759	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	94.856.888	94.856.888	-	-
	122.793.282	1.359.613.006	16.140.322.689	15.345.931.165	156.883.978	2.188.095.226

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2024				Trong năm				31/12/2024	
	Giá trị		Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị		Số có khả năng trả nợ	
	VND		VND				VND		VND	
a) Vay ngắn hạn										
Vay ngắn hạn Ngân hàng	34.700.463.438		34.700.463.438		117.050.110.098	121.803.465.444	29.947.108.092		29.947.108.092	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ⁽¹⁾	34.700.463.438		34.700.463.438		117.050.110.098	121.803.465.444	29.947.108.092		29.947.108.092	
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.591.570.560		1.591.570.560		573.699.614	391.570.560	1.773.699.614		1.773.699.614	
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ⁽²⁾	214.080.000		214.080.000		214.080.000	214.080.000	214.080.000		214.080.000	
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Định ⁽³⁾	1.200.000.000		1.200.000.000		256.083.454	-	1.456.083.454		1.456.083.454	
- Nợ thuế tài chính đến hạn trả ⁽⁴⁾	177.490.560		177.490.560		103.536.160	177.490.560	103.536.160		103.536.160	
	36.292.033.998		36.292.033.998		117.623.809.712	122.195.036.004	31.720.807.706		31.720.807.706	
b) Vay dài hạn										
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ⁽²⁾	754.280.000		754.280.000		-	214.080.000	540.200.000		540.200.000	
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Định ⁽³⁾	1.456.083.454		1.456.083.454		-	-	1.456.083.454		1.456.083.454	
- Nợ thuế tài chính đến hạn trả ⁽⁴⁾	281.026.720		281.026.720		-	177.490.560	103.536.160		103.536.160	
	2.491.390.174		2.491.390.174		-	391.570.560	2.099.819.614		2.099.819.614	
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.591.570.560)		(1.591.570.560)		(573.699.614)	(391.570.560)	(1.773.699.614)		(1.773.699.614)	
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	899.819.614		899.819.614				326.120.000		326.120.000	

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng vay vốn ngắn hạn của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình gồm 03 hợp đồng với điều khoản chi tiết như sau:
- (a) Hợp đồng cấp tín dụng số 615/TBN-KDN/24NH ngày
- + Hạn mức cho vay: 19.700.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: Đến hết ngày 26 tháng 06 năm 2025;
 - + Thời hạn cho vay: 06 tháng đối với từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.018.120.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (b) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 599/TBN-KDN/24NH ngày
- + Hạn mức cho vay: 43.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: đến hết ngày 25 tháng 06 năm 2025;
 - + Thời hạn cho vay: 06 tháng đối với từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 14.151.432.069 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (c) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 854/TBN-KDN/24NH ngày 29/08/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình, kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 814/TBN-KDN/21TD ngày 23 tháng 08 năm 2021 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 20.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 29/08/2025;
 - + Thời hạn cho vay: 06 tháng đối với từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 12.777.556.023 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (2) Hợp đồng vay vốn dài hạn của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình gồm 02 hợp đồng với điều khoản chi tiết như sau:
- (a) Hợp đồng tín dụng số 621/TBN-KDN/20TH ngày 27/05/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 600.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Đầu tư mới tài sản cố định (vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh);
 - + Thời hạn của hợp đồng: 84 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 8,7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 207.300.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 85.680.000 VND;
 - + Hình thức đảm bảo: 02 xe ô tô tải Isuzu QKR77FE4 và NMR85HE4 hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(b) Hợp đồng tín dụng số 926/TBN-KDN/20DH ngày 03/08/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 900.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Đầu tư mới tài sản cố định (vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh);
- + Thời hạn của hợp đồng: 84 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 8,7%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 589.700.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 128.400.000 VND;
- + Hình thức đảm bảo: 01 xe Ford Ranger Wildtrack Biturbo bán tải và 02 xe Isuzu hình thành từ vốn vay.

(3) Hợp đồng cấp tín dụng số EGD/22239 ngày 18 tháng 07 năm 2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Định, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 1.800.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Thanh toán khoản tiền đặt cọc dựa theo Văn bản thỏa thuận số VTV.4-19.06/2019/VBTT/NVH-VHTB;
- + Thời hạn của hợp đồng: 36 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.456.083.454 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 1.456.083.454 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bằng tài sản hình thành từ khoản vay là căn hộ VTV.4 - 19.06 thuộc Khu nhà ở tại Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

(4) Hợp đồng thuê tài chính số B200410902 ngày 22/05/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Loại tài sản: Hệ thống năng lượng mặt trời;
- + Tổng giá trị nợ gốc: 976.198.080 VND;
- + Thời hạn thuê: 60 tháng;
- + Lãi suất: 9,54%;
- + Số dư nợ gốc còn phải trả: 103.536.160 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 103.536.160 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND		VND	VND		VND	VND		VND		VND
Số dư đầu năm trước	61.725.230.000		137.662.054.443	2.140.945.047		(11.666.581.607)	2.243.857.861		24.066.505.655		216.172.011.399
Lãi trong năm trước	-		-	-		-	-		7.019.439.906		7.019.439.906
Phân phối lợi nhuận	-		-	-		-	-		(5.736.709.000)		(5.736.709.000)
Số dư cuối năm trước	61.725.230.000		137.662.054.443	2.140.945.047		(11.666.581.607)	2.243.857.861		25.349.236.561		217.454.742.305
Số dư đầu năm nay	61.725.230.000		137.662.054.443	2.140.945.047		(11.666.581.607)	2.243.857.861		25.349.236.561		217.454.742.305
Lãi trong năm nay	-		-	-		-	-		3.164.682.460		3.164.682.460
Phân phối lợi nhuận	-		-	-		-	-		(5.736.709.000)		(5.736.709.000)
Số dư cuối năm nay	61.725.230.000		137.662.054.443	2.140.945.047		(11.666.581.607)	2.243.857.861		22.777.210.021		214.882.715.765

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	17,03	10.512.440.000	17,03	10.512.440.000
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	12,32	7.602.110.000	12,32	7.602.110.000
Ông Hoàng Văn Điều	9,43	5.820.000.000	9,38	5.788.600.000
Ông Hoàng Minh Anh Tú	9,08	5.605.950.000	2,28	1.405.950.000
Bà Lại Thị Hồng Diệp	5,77	3.558.630.000	5,77	3.558.630.000
Ông Hoàng Minh Anh Tài	4,57	2.821.000.000	0,03	21.000.000
Ông La Thế Nhân	4,79	2.955.500.000	4,79	2.955.500.000
Các cổ đông khác	29,96	18.491.460.000	41,35	25.522.860.000
Cổ phiếu quỹ	7,06	4.358.140.000	7,06	4.358.140.000
	100	61.725.230.000	100	61.725.230.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61.725.230.000	61.725.230.000
- Vốn góp đầu năm	61.725.230.000	61.725.230.000
- Vốn góp cuối năm	61.725.230.000	61.725.230.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	119.726.030	101.541.130
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	5.736.709.000	5.736.709.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	5.736.709.000	5.736.709.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(5.796.049.000)	(5.718.524.100)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(5.796.049.000)	(5.718.524.100)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	60.386.030	119.726.030

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.172.523	6.172.523
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6.172.523	6.172.523
- Cổ phiếu phổ thông	6.172.523	6.172.523
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	435.814	435.814
- Cổ phiếu phổ thông	435.814	435.814
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.736.709	5.736.709
- Cổ phiếu phổ thông	5.736.709	5.736.709
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.243.857.861	2.243.857.861
	2.243.857.861	2.243.857.861

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2024, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không được hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	15.415.096.277	14.782.252.597
	15.415.096.277	14.782.252.597

b) Tài sản thuê ngoài

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Số 284-286 Hoàng Văn Thụ, P.4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	121,7 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
2	Số 654 Trường Chinh, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	85 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
3	Số 105A Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	972 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
4	Số 203-205 Võ Thành Trang, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	317 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
5	Số 11 Trường Chinh, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	13,58 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
6	Số 09 Trường Chinh, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	16,68 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
7	Số 927/8 Cách mạng Tháng 8, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	300 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
8	Số 8 Đông Sơn, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	413 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
9	Lô II-3, KCN2, đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	9.987 m ²	41 năm từ ngày 17/07/2006 đến 17/06/2047

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.529,11	2.121,88
- Đồng Singapore (SGD)	-	1.572,62
- Đồng HongKong (HKD)	-	10.396,13

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	86.002.046.442	61.067.694.365
Doanh thu bán thành phẩm	205.698.985.358	162.236.059.240
Doanh thu bán bất động sản	2.152.240.481	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê	17.986.343.797	17.649.721.373
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	103.168.964.904	63.129.122.596
	415.008.580.982	304.082.597.574
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	6.467.280	4.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	81.165.029	67.457.909
Giảm giá hàng bán	111.583.413	284.545.454
	192.748.442	352.003.363

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	82.374.595.955	48.215.882.737
Giá vốn của thành phẩm đã bán	178.755.865.769	139.325.213.620
Giá vốn bán bất động sản	2.800.988.368	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê	7.601.895.095	6.663.624.195
Giá vốn của dịch vụ khác	93.561.710.663	66.396.842.827
	365.095.055.850	260.601.563.379

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.840.079.771	4.766.437.974
Cổ tức, lợi nhuận được chia	485.921.600	806.870.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	137.577.103	15.352.337
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	668.590
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	-	20.420.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	602.740	-
	4.464.181.214	5.609.748.901
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	451.200.000	789.600.000

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.418.648.878	1.859.139.515
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	168.166.283	211.848.697
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.404.802.486	1.071.726.377
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	125.708.848	536.485.822
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	66.814.800	(212.113.004)
Lỗ bán chứng khoán kinh doanh	-	7.504.267
	4.184.141.295	3.474.591.674

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	249.697.297	64.276.086
Chi phí nhân công	8.915.790.107	8.127.797.776
Chi phí khấu hao tài sản cố định	169.257.576	238.060.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.754.361.389	1.616.888.328
Chi phí khác bằng tiền	5.857.640.849	2.323.864.484
	17.946.747.218	12.370.887.138

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	425.845.773	357.768.130
Chi phí nhân công	15.796.196.634	13.870.565.170
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.848.126.357	4.430.618.390
Thuế, phí, lệ phí	65.456.343	337.764.173
Chi phí dự phòng	-	14.836.166
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.557.303.101	1.923.623.292
Chi phí khác bằng tiền	4.091.326.073	5.089.865.250
	27.784.254.281	26.025.040.571

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	13.505.834
Lãi phạt không thực hiện được hợp đồng	-	2.191.347.875
Tiền phạt thu được	78.275.324	-
Thu nhập khác	72.293.702	29.213.683
	150.569.026	2.234.067.392

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	70.941.645	447.280.574
Tiền phạt hợp đồng	-	129.811.000
Chi phí khác	55.924.732	108.414.023
	126.866.377	685.505.597

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	161.637.990	1.314.130.355
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	568.247.411	238.727.470
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	729.885.401	1.552.857.825
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	(247.808.470)	49.525.488
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN phải trả của các năm trước vào thuế TNDN phải trả năm nay	-	9.081.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	872.600.706	1.637.148.136
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.014.130.355)	(2.376.011.743)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	340.547.282	872.600.706

34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	121.714.286	162.285.714
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	121.714.286	162.285.714

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.653.440.539	1.017.433.667
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.653.440.539	1.017.433.667

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hạch toán bổ sung trong năm	40.571.428	40.571.429
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.636.006.872	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả hạch toán bổ sung trong năm	-	(96.911.330)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.676.578.300	(56.339.901)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	3.164.682.460	7.019.439.906
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.164.682.460	7.019.439.906
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.736.709	5.736.709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	552	1.224

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	272.388.787.558	129.261.544.730
Chi phí nhân công	77.056.049.710	58.414.622.921
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.612.168.342	13.948.251.121
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.183.112.367	37.486.361.539
Chi phí khác bằng tiền	24.925.203.991	12.478.647.823
	425.165.321.968	251.589.428.134

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Đầu tư ngắn hạn	703.509.900	-	-	703.509.900
Đầu tư dài hạn	-	226.566.000	-	226.566.000
	<u>703.509.900</u>	<u>226.566.000</u>	<u>-</u>	<u>930.075.900</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Đầu tư ngắn hạn	601.849.301	-	-	601.849.301
Đầu tư dài hạn	-	250.880.400	-	250.880.400
	<u>601.849.301</u>	<u>250.880.400</u>	<u>-</u>	<u>852.729.701</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.292.363.006	-	-	13.292.363.006
Phải thu khách hàng, phải thu khác	84.808.332.806	427.860.479	-	85.236.193.285
Các khoản cho vay	-	-	-	-
	<u>98.100.695.812</u>	<u>427.860.479</u>	<u>-</u>	<u>98.528.556.291</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.600.377.261	-	-	5.600.377.261
Phải thu khách hàng, phải thu khác	47.732.886.764	189.750.479	-	47.922.637.243
Các khoản cho vay	72.048.150.886	316.322.103	-	72.364.472.989
	125.381.414.911	506.072.582	-	125.887.487.493

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	31.720.807.706	326.120.000	-	32.046.927.706
Phải trả người bán, phải trả khác	90.619.289.799	158.000.000	-	90.777.289.799
Chi phí phải trả	-	-	-	-
	122.340.097.505	484.120.000	-	122.824.217.505
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	36.292.033.998	31.896.473.805	-	68.188.507.803
Phải trả người bán, phải trả khác	56.073.202.859	-	-	56.073.202.859
Chi phí phải trả	16.335.606	-	-	16.335.606
	92.381.572.463	31.896.473.805	-	124.278.046.268

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất và thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	291.508.283.358	123.307.549.182	414.815.832.540
Chi phí bộ phận trực tiếp	261.130.461.724	103.964.594.126	365.095.055.850
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30.377.821.634	19.342.955.056	49.720.776.690
Tổng chi phí mua TSCĐ	15.009.742.012	6.632.265.565	21.642.007.577
Tài sản bộ phận trực tiếp	235.647.110.236	99.678.360.080	335.325.470.316
Tài sản không phân bổ			22.852.121.455
Tổng tài sản	235.647.110.236	99.678.360.080	358.177.591.771
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	101.989.246.132	40.605.261.099	142.594.507.231
Nợ phải trả không phân bổ			700.368.775
Tổng nợ phải trả	101.989.246.132	40.605.261.099	143.294.876.006

Theo khu vực địa lý

Do toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết
Ông La Thế Nhân	Chủ tịch HĐQT
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Văn Điều	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Trịnh Xuân Quang	Thành viên HĐQT
Ông Đoàn Thanh Hải	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Anh Thuận	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Danh	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Thái Thị Phụng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên Ban kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu	6.467.280	4.000.000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	6.467.280	4.000.000
Mua hàng	14.191.200	28.140.000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	14.191.200	28.140.000
Doanh thu tài chính	451.200.000	789.600.000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	451.200.000	789.600.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
Ông La Thế Nhân	65.000.000	80.000.000
Ông Hoàng Văn Điều	40.000.000	50.400.000
Bà Lại Thị Hồng Diệp	55.300.000	60.700.000
Ông Hoàng Minh Anh Tú	761.713.330	800.493.940
Ông Nguyễn Minh Tuấn	40.000.000	50.000.000
Ông Trịnh Xuân Quang	20.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Anh Thuận	15.000.000	20.000.000
Ông Đoàn Thanh Hải	15.000.000	20.000.000
Ông Nguyễn Văn Danh	316.624.000	357.300.000
Bà Thái Thị Phụng	182.414.000	209.224.000
Bà Quách Thị Mai Trang	155.709.000	230.324.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 được điều chỉnh cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước</u>	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u>	<u>Chênh lệch</u>	<u>Ghi chú</u>
		VND	VND	VND	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất					
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	24.383.204.024	21.293.400.146	(3.089.803.878)	(*)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21.419.600.533	18.329.796.655	(3.089.803.878)	(*)

(*) Điều chỉnh lại giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết do nghiệp vụ góp vốn không theo đúng tỷ lệ phát sinh năm 2022.

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2025

